

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 176

**BÀI TÁN
PHÁP BẢO ĐÀN KINH
CỦA LỤC TỔ TUỆ NẲNG**

SỐ 2008

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2008

BÀI TÁN PHÁP BẢO ĐÀN KINH CỦA LỤC TỔ TUỆ NĂNG

Đời Tống Đại sư Minh Giáo hiệu Khế Tung soạn.

Tán là cáo, giảng kinh để phổ cáo. Đàn kinh là nói về tâm của bậc chí nhân. Đó là tâm nào? là diệu tâm Phật đã truyền. Lớn lao thay! tâm tuy hay biến đổi mà vẫn thanh tịnh thường như. Phàm thế, thánh cũng thế; ẩn thế mà hiển cũng thế, không chỗ nào không đặc. Bậc thánh đã sáng tỏ, kẻ phàm phu hãy còn mờ昧, sáng tối tuy khác nhưng diệu âm vẫn là một. Đầu tiên đức Thích Ca văn truyền tâm này đến nước Đại Quy nước Đại Quy truyền được 33 đời cuối cùng đến thiền sư Đại Giám, ngài Đại Giám càng truyền nhiều rộng rãi. Nói về tâm lại có nhiều cách nên có khi tên giống nhau mà thật ra thì khác có khi nhiều nghĩa mà chỉ một tâm. Như nói tâm (tim) máu thịt, tâm duyên lực, tâm tập khởi, tâm kiên thật còn nói về tâm sở thì càng nhiều, đây là tên tâm giống mà thật ra thì khác.

Vì thế lúc Niết-bàn Phật dạy: “Ta có chánh pháp vô thượng phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp”. Trời tồn tại là do có sự biến dịch, đất tồn tại là nhờ sự dễ dãi, Thánh nhân tồn tại là do chí diệu, sự chí diệu của Thánh nhân chính là then chốt của Pháp giới môn là chỗ tập hợp của vô thượng nghĩa là nòng cốt của Đại thừa. Kinh Pháp Hoa nói “phải biết diệu pháp này là bí yếu của chư Phật”. Kinh Hoa Nghiêm há không nói: “cho rằng với chút ít phương tiện mà mong mau thành Bồ-đề ư! “Bố yếu là đạo của Thánh nhân nên tông chỉ của Bảo Đàn Kinh là tâm yếu. Tâm này vừa sáng vừa tối vừa không vừa linh, lại vừa tịch vừa tỏ là vật hay chẳng phải vật. Gọi đó là một vật mà lại đầy khắp vạn vật,

gọi là vạn vật, mà lại gom vào vật một vật cũng là có thể nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn thiên hạ gọi là huyền giải. Là thần hội là tuyệt đãi là mặc thể, là thâm thông tất cả đều lìa cũng đâu thể đến chỗ chí triệt, quả nhiên được tương tự với bậc chí triệt, quả nhiên được tương tự với bậc chí nhân ái có thể lường xét? Suy rộng ra thì không thể không tư đạt đến, dò xét để thuyết đoán thì đâu không phù hợp. Nói về chứng tánh thì chỗ đạt rất chánh nói về sùng đức biện sai thì chỗ đạt đến rất chánh dễ hiển bày. Nói về pháp xuất thế thì Phật giáo chóng thành nói về đạo cứu thế thì trần lao dễ cắt đứt, đây là tôn chỉ của Đàn Kinh vì thế hòa đồng với chúng sinh mà không mỗi một gọi là tức tâm tức Phật, người cạn cợt không thể lường biết được. Nếu dùng dùi cùn để dò thì đất cạn, nhìn qua nhà dột thì bầu trời hẹp, trời đất há cạn hẹp như thế sao? Cho nên khi hiển thuyết thì có luận có nghĩa còn khi mật thuyết thì không đầu không đuôi, nếu căn cơ sắc bén thì đạt được chỗ diệu xa còn căn cơ chậm lụt thì chỉ biết cạn cợt. Có thể nghĩ có thể đốn giáo, là đối tượng thừa là như lai thanh tịnh thiên, là chánh tông Bồ tát tạng, luận gọi là huyền học, không phải cũng rõ ràng sao! Thiên hạ gọi là tông môn, không phải cũng đúng sao? Đàn kinh nói: “Định Tuệ làm gốc là nẻo đầu tiên vào đạo. Định thì tĩnh tuệ thì sáng, sáng mới có thể quán, tĩnh mới có thể an, an được tâm mới hiểu tâm, quán được đạo mới nói đạo. Nhất hạnh tam muội còn gọi là nhất tướng pháp giới, nghĩa là vạn thiện tuy khác nhưng cũng đều để chánh đại hạnh, vô tướng làm thể là để chánh đại hạnh, vô tướng làm thể là để nêu cao đại giới vô niệm làm tông là để nêu cao đại định. Vô trụ làm gốc là để nêu cao đại tuệ, giới định tuệ là đạo tu của hàng tam thừa, còn diệu tâm là trợ duyên của giới định tuệ, chỉ một diệu tâm mà thấu nhiếp cả ba pháp học cho nên nói là “đại”.

Trong tứ hoằng nguyện, nguyện độ là độ khổ, nguyện đoạn là đoạn tập, nguyện học là học đạo, nguyện thành là thành tịch diệt. Diệt mà không chỗ diệt, nên không chỗ nào không đoạn, đạo mà không chỗ đạo nên không chỗ nào không đạo, sám hối vô tướng là sám chẳng chỗ sám, tam quy giới là quy về một, một là chỗ xuất sinh Tam Bảo. Ma-ha Bát-nhã là chí trung của tâm, Bát-nhã là phương tiện của Thánh nhân là đại trí của Thánh nhân nên có thể tịch có thể minh, chẳng ó thể quyền có thể thật, tịch là có thể dứt các việc ác minh là có thể gom góp các việc thiện, quyền là có thể tạo nhiều pháp hữu vi thật là có thể hiển hiện pháp vô vi, lớn lao thay Bát-nhã! Đạo Thánh nhân mà không có Bát-nhã thì không sáng, không thành tựu, việc trong thiên hạ mà chẳng

có Bát-nhã thì không hợp, không gánh vác nổi, chí nhân nhờ Bát-nhã để chấn chỉnh, không phải cũng sâu xa ư! Pháp của ta vì hàng thượng thượng căn àm nói là Thích hợp vật tầm thường mà trọng dụng thì có lỗi xưa nay âm thầm truyền trao gọi là mật thuyết, một chẳng phải là không nói mà là thâm chứng, chân thật mà kín mật.

Người không hiểu pháp này mà vội hủy báng thì trăm kiếp ngàn đời đoạn chủng tánh Phật. Khi bốn tánh thì tích cũng chính nhân dân thì quá không xấu tiền thánh hậu thánh đã khởi như thế, đã thị hiện như thế đã tiếm phục như thế lớn lao thay! Trút vào như sông rộng thông suốt như hư không sáng soi như nhật nguyệt, vô ngại như hình bóng thứ tự như đàn chim hồng diêu và đặc được gọi là bốn. Suy và dụng được đặc gọi là tích. Chẳng phải bắt đầu mà bắt đầu gọi là nhân chẳng phải thành tựu mà thành tựu, gọi là quả, quả không khác nhân thì gọi là chánh quả, nhân không khác quả thì gọi là chánh nhân tích tùy bốn gọi là đại dụng, bốn liên quan đến tích gọi là Đại thừa, thừa là pháp dụ của Thánh nhân, dụng là khởi giáo của Thánh nhân. Đạo của Thánh nhân chẳng gì bằng tâm, giáo của Thánh nhân chẳng gì bằng tu, điều thần vào đạo chẳng gì bằng nhất tướng, chỉ quán hướng thiện thành đức chẳng gì bằng nhất hạnh tam muội, trợ giúp tất cả định chẳng gì bằng vô niệm, thông suốt tất cả trí chẳng gì bằng vô trụ, sinh thiện diệt ác chẳng gì bằng vô tướng giới, đạo cao đức lớn hơn chẳng gì bằng tứ hoằng thệ nguyện, khéo xét lỗi lầm chẳng gì, bằng vô tướng sám, thú hưởng chân chánh chẳng gì bằng tam quy giới chánh đại Bát-nhã phát đại tín hành đại đạo chẳng gì bằng chí lớn. Cùng lý tận tánh trong thiên hạ chẳng gì bằng mật truyền, muội tâm không lỗi chẳng gì bằng không phỉ báng, định tuệ là nền tảng của đạo nhất hạnh tam muội là đầu mối của đức, tông của vô niệm là giải thoát, gốc của vô trụ là Bát-nhã, thể của vô tướng là pháp thân, vô tướng giới là giới cao nhất. Từ hoằng nguyện là nguyện cùng tột, vô tướng sám là sám chí thành, tam quý giới là quy hướng chân chánh, đại trí tuệ là mẫu mực lớn của Thánh phàm. Nói pháp cho hàng thượng thượng căn nghe là nói thẳng; Diệu tâm chẳng phải tu mà thành, chẳng phải chứng mới sáng mà vốn đã có, đã sáng; do mê nơi sáng muốn sáng lại vì thế phải chứng, do trái với thành muốn thành lại vì thế phải tu, chẳng phải thành mà lại thành nên gọi là chánh chứng; chí nhân ẩn thân không để người thấy được oai nghi, mà giới đức lại thanh cao; chí nhân Thị hiện tầm thường như không tu trì, mà đạo nghiệp lại hiển bày trong thiên hạ, bởi vì tu nơi chánh tu, chứng chỗ chánh chứng, thế mới nói: “không tu không chứng, chẳng nhân chẳng quả”, mà những lời xuyên

tạc vụn vặt làm sai lầm thâm ý của chí nhân. Ôi! Buông bỏ giới định tuệ thì chắc chắn sẽ rơi vào cái ra sao. Hơn thế nữa, loài hàm thức tâm mê đắm nông nổi, mà thức và nghiệp ảnh hưởng lẫn nhau chưa bao giờ tạm dứt, thế thì người và vật sống chen chút nhau giữa khoảng trời đất, ai có thể vượt qua nghiệp phận? Số được làm thân người chỉ là một trong vạn vạn, mà người tỉnh giác càng ít hơn nữa; Thánh nhân lo lắng về điều này nên giảng thuyết nhiều người lý, thế mà thiên hạ còn có chỗ chưa tỏ; Thánh nhân muốn cứu ớt điều này, nên dung nhiều cách để đối trị thế mà thiên hạ còn có chỗ chưa tỉnh; người hiền thì trí tuệ mê loạn kẻ bất tiểu thì bị ngu si che lấp còn người bình thường thì bị vô ký làm mờ tối, nên họ có các cảm giác khi mừng khi giận, khi buồn khi vui muôn thứ làm khuấy lấp mập mờ như đi đêm mà chẳng biết về đâu. Còn đối với lời dạy của Thánh nhân thì hoặc phán đoán hoặc suy rộng như sương mù dày đặc mà lại trông xa thì người bảo có kẻ nói không hay chẳng có phải không có, hoặc cũng có cũng không vì bị che lấp mù mịt không thấy rõ nên suốt đời không hiểu biết đúng. Như biển là do nơi nước cá rồng sống chết trong biển là do nơi nước cá rồng sống chết trong biển mà lại không có nước; đạo là do nơi tâm con người suốt ngày nói đạo mà lại không thấy tâm, thương thay! Tâm chắc chắn vi diệu sâu mầu khó tỏ khó thấu, vì vậy Thánh nhân đã vắng bóng, tuy có kinh sách lưu truyền nhưng thiên hạ chẳng ai minh nghiệm được. Cho nên mới nêu tông chỉ của Đàn Kinh để chỉ thẳng tâm này, để thiên hạ biết được bản tánh như vết mây mù liền thấy ngay trời xanh, như lên ngọn Tần Lĩnh là trông xa thấy rộng. Kinh Niết-bàn nói: “Đầu tiên từ ườn bạt đề trong khoảng 50 năm đó, chưa từng nói một chữ”. Là chỉ bày pháp không văn tự, là để ngăn ngừa đời sau chỉ cầu pháp văn tự, khi nói “y pháp không y nhân” y ngữ không y, ngữ “là vì nghĩa thật mà giữ giả; khi nói “y trí không y thức là vì trí thấu đạt còn thức thì vọng; nói “y kinh liễu nghĩa nói lý kinh bất liễu nghĩa” là vì kinh liễu nghĩa nói lý còn kinh bất liễu nghĩa nói sự, mà bồ tát nói đại Niết-bàn là tự thuyết đồng với kinh. Thánh nhân nói tứ y ra đời là để hộ trí chánh pháp nên cần phải chứng tri, vì cần phải chứng tri nên cần phải chứng tri vì cần phải chứng tri nên cần phải chứng tri nhân trụ gốc để chánh gọn vì tự thuyết đồng với kinh nên chí nhân nói kinh như kinh; vì y nghĩa y kinh liễu nghĩa nên chí nhân hiển thuyết thì hợp nghĩa hợp kinh; vì y pháp y trí nên trí nhân hợp kinh, vì để chỉ bày pháp không văn tự nên chí nhân âm thầm truyền pháp Thánh nhân như thế nên chí nhân cũng như thế.

Bậc chí nhân đầu tiên làm người tầm thường tự nói không biết chữ

đến khi thành Tổ thuyết pháp để hiển đạo cứu thế lại rất phù hợp với những lời dạy của đại Thánh nhân. Tuy đã nói thị tịch 400 năm mà giáo pháp của tổ lưu truyền khắp nơi vẫn không dứt mất, từ thánh hiền đến đế vương trải qua 30 đời cầu đạo càng thêm cung kính ôi! Tổ Tuệ Năng đã đạt như thế, ta làm sao thấu hết được đạo, chỉ mong như loài muỗi móng dù uống chút mà biển cũng biết được vị mặn của biển mà thôi. Xin cúi đầu cung kính tuyên bày để lưu lại cho hàng hậu học. (347)

PHÁP LƯỢC TỰ

*Nguyên văn chữ Hán của sa môn thích Pháp Hải
đời nhà Đường soạn*

Đại sư tên Huệ Năng, cha họ Lư, tên huý là Hành Thao. Người mẹ họ Lý, sanh ra Sư nhằm giờ Tý, ngày mùng tám, tháng hai, năm Mậu Tuất, niên hiệu Trinh Quán thứ 12. khi ấy, hào quang chiếu sáng lên không trung, mùi hương lạ toát lan đầy nhà. Đến tảng sáng, có hai vị tăng lạ mặt đến viếng, nói với người cha rằng: “Khuya nay ông vừa sanh quý tử, chúng tôi đến đây là để đặt tên cho cháu bé. Ông nên đặt trước là chữ Huệ (?), sau là chữ Năng (?).” Người cha hỏi: “Vì sao đặt tên là Huệ Năng?” Hai vị tăng đáp: “Huệ, nghĩa là đem Pháp mà bố thí cho chúng sanh; Năng, nghĩa là đủ sức làm nên Phật sự.”

Hai người nói rồi ra đi, chẳng biết đi đâu.

Sư không dùng sữa mẹ, đêm đêm có thần nhân nuôi bằng nước cam lộ.

Khi lớn lên, tuổi vừa hai mươi bốn. Ngài nghe kinh Kim Cang mà ngộ đạo, mới đến núi Hoàng Mai cầu đạo, được Ngũ Tổ trọng tài của Sư, trao y bát và truyền pháp, cho nối ngôi Tổ. Lúc ấy là năm đầu niên hiệu Long Sóc.

Ngài về phương Nam ẩn nấu trong 16 năm, mang hình tướng của người thế tục. Qua năm đầu niên hiệu Nghi Phụng, nhằm ngày mùng tám tháng giêng. Ngài gặp pháp Sư Ấn Tông cùng luận bàn những ý nghĩa cao siêu huyền diệu. Ấn Tông tỉnh ngộ, hợp với ý Ngài, ngày rằm tháng ấy, pháp sư Ấn Tông nhóm họp bốn chúng làm lễ xuống tóc cho Ngài. Ngày mùng tám tháng hai, pháp Sư lại nhóm họp các vị danh đức, làm lễ truyền giới cụ túc. Các vị truyền giới có ngài Trí Quang Luật Sư ở Tây Kinh (Trường An) làm thọ giới sư, ngài Huệ Tĩnh Luật sư ở Tô Châu làm Yết ma, ngài Thông Ứng Luật sư ở Kinh Châu làm Giáo Thọ, ngài kỳ đà la Luật sư ở Trung Thiên Trúc “làm Thuyết Giới, ngài Mật đà Tam Tạng ở nước Tây Trúc làm Chứng Giới. Giới đàn này là do ngài Cầu na Bạt đà la Tam Tạng hồi triều Lưu Tống sáng lập, có dựng bia đề rằng: “Sau này sẽ có vị Bồ tát hiện thân người phàm” mà thọ giới

nơi đây”. Lại nữa, năm đầu niên hiệu Thiên giám nhà Lương, Trí Dực pháp sư từ nước Tây trúc vượt biển sang đây, mang theo một cây Bồ-đề bên xứ ấy mà trồng kế bên đàn này, cũng có nói rằng: “về sau, khoảng 170 năm nữa, sẽ có vị Bồ tát hiện thân người phàm mà khai diễn pháp Thượng thừa dưới cội cây này, độ cho vô số chúng sanh, là vị Pháp chủ chân truyền tâm ấn của Phật vậy”.

Trong pháp hội này. Ngài chính thức cạo bỏ râu tóc, thọ giới Tỳ kheo, và vì bốn chúng mà khai thị pháp đại thừa Đốn giáo, mọi việc đều y như những lời dự báo từ trước.

Mùa xuân năm sau. Ngài từ già bốn chúng mà về chùa Bảo Lâm ở Tào Khê. Ấn tống pháp sư và cả hai giới tăng tục theo tiễn chân có tới trên ngàn người, thẳng đến tận Tào Khê. Khi ấy, Thông Ứng Luật sư ở Kinh Châu với vài trăm người tu học cùng về nương theo Ngài. Ngài đến Bảo Lâm, Tào Khê, thấy nhà cửa thấp hẹp, chẳng đủ cho bốn chúng ăn ở. Muốn mở rộng ra, Ngài liền đến gặp một người trong làng là Trần Á Tiên mà nói rằng: “Lão tăng muốn đến thí chủ, cầu xin một chỗ đất để trải cái toạ cụ, không biết có được chăng?” Á Tiên hỏi: “Toạ cụ của Hoà thượng rộng chừng nào?” Tổ sư đưa toạ cụ ra cho xem. Á Tiên đồng ý. Tổ sư lấy toạ cụ giũ ra một cái, toả rộng phủ hết cả vùng Tào Khê, có bốn vị thiên vương hiện thân ngồi nơi gốc cây. Ngày nay, ở cảnh chùa ấy có núi Thiên Vương, là nhân chuyện này mà đặt tên. Á tiên nhìn thấy liền nói: “Nay tôi được biết pháp lực của hoà thượng thật là rộng lớn; có điều, mô mà tổ tiên nhà tôi từ trước đến nay đều ở tại đất này. Nếu về sao có cất chùa dựng tháp, xin đừng huỷ hoại, còn ngoài ra xin cúng dường cả để mãi mãi dùng làm ngôi Tam Bảo, nhưng đất này là mạch đến của sanh long, bạch tượng, chỉ có thể làm bằng bên trên, chứ không nên làm bằng phía dưới.” Theo lời Á Tiên, mọi sự kiến thiết, xây dựng về sau đều tuân thủ như vậy.

Một hôm Tổ sư đi dạo chơi đến một chỗ cảnh vật tốt tươi, có suối nước, non cao, liền dừng nghĩ lại đó, bèn thành một nơi lan nhã, có cả thảy 13 cảnh như vậy, ngày nay gọi là Hoa Quả Viện. Còn tên gọi đạo tràng Bảo Lâm, là do trước đây ngài Trí Dực Tam Tạng nước Tây Trúc, khi từ Nam hải qua cửa Tào Khê, lấy tay vốc nước mà uống thấy thơm và ngon, lấy làm lạ mà bảo môn đồ của mình rằng: “Nước này với nước bên Tây Thiên không khác gì. Trên nguồn suối này ắt có thắng địa, cất chùa lên rất tốt”. Liền lần theo dòng suối mà đi lên nguồn, thấy bốn bề non nước quanh co, đèo rộng tốt lạ, khen rằng: “Thật không khác gì núi Bảo Lâm bên Tây Thiên!” Liền nói với cư dân thôn Tào Hầu rằng:

“Nơi đây nên cất một ngôi chùa. Sau này chừng một trăm bảy chục năm nữa, sẽ có pháp bảo vô thượng được diễn giảng ở đây, kẻ đắc đạo nhiều vô kể, nên đặt hiệu là Bảo Lâm.”

Quan Mục Thiều Châu thuở ấy là Hầu Kính Trung đem lời ấy soạn biểu tâu lên triều đình, nhà vua chuẩn lời xin, ban cho tấm biển đề là Bảo Lâm, bởi đó mà thành một ngôi chùa to lớn. Việc ấy bắt đầu từ năm thứ 3 niên hiệu Thiên Giám.

Trước chùa có một cái hồ lớn, thường có một con rồng nổi lên, thân hình to lớn quấn quanh, làm hại cây cối trong rừng. Một ngày kia, nó hiện hình rất lớn, quấy đập sóng dậy tràn lên, mây mưa mù mịt, khiến tăng chúng đều sợ hãi. Tổ sư ra nạt con rồng rằng: “Người chỉ hiện được hình lớn, chẳng hiện được hình nhỏ. Nếu là rồng thần biến hoá được, lẽ ra nên từ nhỏ thành lớn, từ lớn thành nhỏ được mới phải.” Ngài nói xong, con rồng ấy liền lặn ngay xuống, giây lâu hiện lên thân hình rất nhỏ bé, nhảy nhót trên mặt hồ. Tổ sư mở bình bát ra, hỏi rằng: “Người có dám nhảy vào cái bát của lão tăng đây không?”

Con rồng bèn lượn quanh, rồi chập chờn đến trước Tổ Sư, Ngài lấy cái bát úp lại, con rồng chẳng cựa quậy gì được nữa. Sư liền mang bát trở lên chùa, thuyết pháp với rồng. Rồng bèn thoát xác mà đi, bỏ lại bộ xương dài chừng bảy tấc; đầu, đuôi, sừng, chân đều đủ cả, tương truyền là vẫn để ở cửa chùa. Sau này, Tổ sư sai lấy đất đá lấp cái hồ ấy, ngày nay ở trước đền, phía bên trái có cây tháp sắc, tức là chỗ đó vậy.

Bài Tựa Kinh Pháp Bảo Đàn

(Bài tựa này phân làm năm đoạn: đoạn thứ nhất thuật việc Phật tổ truyền thừa Chánh pháp cho tới Tổ Đạt ma, sang làm sơ Tổ bên Trung Hoa. Đoạn thứ nhì thuật từ Nhị Tổ truyền xuống tới Lục Tổ để nêu rõ duyên khởi của Kinh Pháp Bảo Đàn. Đoạn thứ ba thuật việc môn đệ nối pháp của Đại sư đều do Kinh này mà ra. đoạn thứ tư, thuật chỗ huyền diệu chánh trực của Kinh này. Đoạn thứ năm, thuật cái duyên do truyền rộng Kinh này ra khắp nơi.)

Cổ Duân Tỳ Kheo Đức Dị soạn:

1. Đạo mầu nhiệm huyền diệu chẳng thể nghĩ bàn chỉ kể quên lời, được ý, mới hiểu được rõ ràng. Cho nên Thế Tôn phân hai chỗ ngồi ở trước tháp Đa Tử mà mời đức Ca Diếp ngồi. Ngài cầm đoá hoa ở hội Linh Sơn đưa ra, duy chỉ có Ca Diếp hiểu ý Ngài, đó cũng là lửa tiếp nối lửa, đem tâm ấn vào tâm. Đạo Thiền từ phương Tây truyền thừa 28 đời tới Bồ-đề Đạt ma qua phương Đông làm sơ Tổ, chỉ thẳng vào tâm người, thấy tánh thành Phật.

2. Có ngài Huệ Khả Đại sư, nghe pháp của Đạt ma thời ngộ nhập, sụp lạy ba lạy, đắc đạo thâm sâu như đến tận xương tuỷ, nhận y bát nối dòng làm Tổ thứ hai, truyền lại mối đạo của Sơ Tổ, mở rộng chánh tông, dẫn xuống Tổ thứ ba là Tăng Xán, Tổ thứ tư là Đạo Tín, Tổ thứ năm là Hoàng Nhãn. Trong chúng hội theo Ngũ Tổ, số cao tăng cả thầy là bảy trăm, duy có vị cư sĩ Phụ Thung nhân một bài kệ mà được trao y bát làm Tổ đời thứ sáu. Về miền Nam ẩn dật trong mười mấy năm, một ngày kia Tổ Sư gặp pháp sư Ấn Tông, nhân thuyết lý “chẳng phải gió làm chuyển động lá phướn” Tổ sư mới khai mở chánh kiến cho Ấn Tông. Từ đó, Ngài cắt tóc, lên đàn, ứng lời huyền ký của Bạt đà la, khai mở pháp môn tại chùa Đông Sơn. Vì sứ quân nhờ Hải Thiên sao lục những lời của ngài, lấy tên là Pháp Bảo Đàn Kinh.

3. Đại sư bắt đầu giảng pháp ở thành Ngũ Dương, sau đến Tào Khê, ở đó thuyết pháp trong 37 năm. Những kẻ thắm mùi cam lộ, nhập thánh siêu phàm chẳng biết nhiều mà kể. Những kẻ ngộ Phật tâm tông, việc làm và chỗ hiểu phù hợp với nhau, làm người đại tri thức, tên tuổi được đưa vào Truyền Đăng Lục thời có Nam Nhạc, Thanh Nguyên, truyền lại cho các ngài Mã Tổ, Thạch Đầu, cư trí viên minh, huyền phong dậy động, lại truyền xuống các vị Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Sơn, Động Sơn, Vân Môn, Pháp Nhãn, hiển hiện cao vọi, đạo đức tốt vời, môn đình cao hiển, mở dẫn anh linh nạp tử, phấn chí xung động cửa huyền, một cửa vào sâu, năm phái đồng nguồn, trải khắp lò đé, quy mô rộng lớn. Nguyên cái cương yếu của năm nhà kể trên đây đều do ở Đàn Kinh mà ra.

4. Đàn Kinh là lời giản yếu mà nghĩa rộng trải, lý rõ ràng, việc tường tận, đủ cả vô lượng pháp môn chư Phật; mỗi pháp môn lại đủ cả vô lượng diệu nghĩa; mỗi diệu nghĩa lại phát huy vô lượng diệu lý của chư Phật. Tức là lầu các của đức Di Lặc, tức là lỗ chân lông của ngài Phổ Hiền. Ai khéo vào, liền đồng với Thiện Tài, trong một giây nghĩ mà có trọn đủ công đức, ngang với Bồ tát Phổ Hiền, đồng với chư Phật.

5. Tiếc một điều là Đàn Kinh bị người sau lược bỏ quá nhiều, chẳng nêu được ý đại toàn của Lục Tổ. Đức Dị này khi tuổi nhỏ thường được thầy bán văn xưa, từ đó về sau tìm kiếm khắp nơi hơn ba mươi năm mà chẳng được. Gần đây, nhờ ngài Thông Thượng nhân tìm thấy toàn văn bèn khắc bản in lại tại Hưu Hưu Thiên am bên nước Ngô, với các vị thắng sĩ cùng nhau sử dụng.

Chỉ ước mong chư vị mở sách này ra, đưa mắt xem liền thẳng đến biển trí tuệ Đại Viên giác, nối với tuệ mạng vô cùng của chư Phật, Tổ.

Như vậy là chí nguyện của tôi được viên mãn.

*Tháng hai năm Canh Dần Niên hiệu Chí Nguyên thứ 27 Tỳ Kheo
Đức Di*

Kính cẩn đề tựa.

PHẨM THỨ NHẤT NGUYÊN DO HÀNH TRẠNG

Thuở ấy đại sư đến chùa Bảo Lâm, quan Thứ sử họ Vi ở Thiều Châu cùng các thuộc viên vào núi thỉnh. Sư liền khai duyên thuyết pháp ở giảng đường nơi Chùa Đại Phạm trong thành. Sư lên toà, quan Thứ sử và thuộc viên hơn ba mươi người; tăng ni cư sĩ, đạo sĩ, hơn ngàn người đồng làm lễ, xin nghe điều cốt yếu của pháp Phật. Đại sư nói với chúng rằng:

“Chư thiện tri thức! Tự tánh Bồ-đề vốn thanh tịnh chỉ dùng tâm này là đủ thành Phật.

“Chư thiện tri thức! Hãy nghe nguyên do đặc pháp của Huệ Năng này. Cha Huệ Năng quê ở Phạm Dương, làm quan bị giáng, đày ra xứ Lĩnh Nam làm dân thường ở Tân Châu. Thân phận không may, cha lại mất sớm, mẹ già cô cút. Mẹ con dời qua xứ Nam Hải, đắng cay nghèo thiếu, bán củ ở chợ.

“Khi ấy có một người khách mua củi, bảo mang đến nhà. Khách nhận củi, Huệ Năng được tiền, lui ra ngoài cửa, chợt nghe một người tụng kinh. Huệ Năng thoáng nghe lời kinh, tâm liền khai ngộ, bèn hỏi xem khách tụng kinh gì. Khách đáp: “Kinh Kim Cang” lại hỏi: “Ngài học kinh ấy ở đâu?” Khách đáp rằng: “Tôi từ chùa Đông Thiên huyện Hoàng Mai, Kỳ Châu lại đây. Chùa ấy là nơi Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn Đại sư đang giáo hoá, môn đồ hơn ngàn người. Tôi đến đó lễ bái, nghe giảng và thọ trì Kinh này. Đại sư vẫn thường khuyên người xuất gia, tại gia thọ trì Kinh này, sẽ tự thấy tánh thành Phật.” Huệ Năng nghe lời ấy, lại cũng nhờ đời trước có duyên, nên được người giúp cho mười lạng bạc, bảo dùng cấp dưỡng cho mẹ già lại khuyên nên qua huyện Hoàng Mai tham lễ Ngũ Tổ. Huệ Năng sắp đặt cho mẹ xong, liền từ giã mà đi. Chưa đầy một tháng đã đến Hoàng Mai, lễ bái Ngũ Tổ. Tổ hỏi rằng: “Nhà người là người phương nào? Muốn cầu việc chi?” Huệ Năng thưa: “Đệ tử là dân Tân Châu, Lĩnh Nam Đường xa đến đây lễ Tổ, chỉ cầu làm Phật chớ chẳng cầu chi khác.”

“Tổ nói: “Người dân Lĩnh Nam, lại là thiếu số mừng mán, làm Phật sao được?” Huệ Năng thưa: “Người có kẻ Nam người Bắc, Phật tánh vốn không Nam Bắc. Thân mừng mán này với thân Hoà thượng tuy có khác, nhưng Phật tánh có chi khác biệt?”

“Ngũ Tổ còn muốn nói với nữa, nhưng thấy đồ chúng vây quanh, liền bảo Huệ Năng theo chúng mà làm phận sự. Huệ Năng thưa: “đệ tử

tự tâm thường sanh trí tuệ, chẳng rời tự tánh, tức là phước điền, chẳng hay Hoà thượng dạy làm việc chi?” Tổ nói: “Tên mọi này căn tánh lành lợi quá! Thôi đừng nói nữa, hãy đi xuống chỗ làm việc đi.”

“Huệ năng lui ra nhà sau, có người sai bữa củi giả gạo, trái qua hơn tám tháng. Ngày kia, Tổ chợt thấy Huệ Năng, bảo rằng: “Ta thấy chỗ biết của người có thể dùng được, nhưng e có kẻ ác hại người, cho nên chẳng nói với người, người có biết không?” Huệ Năng bạch rằng: “Đệ tử biết ý Tổ, nên chẳng dám ra phía trước, để người đừng hay biết.”

“Một ngày kia, Tổ gọi các môn đồ lại đông đủ mà dạy rằng: Các người nghe ta bảo đây. Người đời sanh tử là việc lớn, các người suốt ngày chỉ lo cầu việc phước mà chẳng cầu ra khỏi biển khổ sanh tử. Tánh mình nếu mê, phước nào cứu đặng? Các người hãy lui ra, tự quan sát trí tuệ, lấy tánh Bát-nhã nơi bản tâm mình, mỗi người làm một bài kệ đem trình ta xem. Nếu ai ngộ đạo, ta sẽ truyền pháp và y cho làm Tổ thứ sáu. Phải nhanh chóng lên, chẳng được chậm trễ. Nếu còn phải suy nghĩ là chẳng phải chỗ dùng được. Nếu thật người thấy tánh, vừa nghe lời nói liền phải thấy ngay. Người như vậy, cho dù có vung đao ra trận cũng vẫn thấy biết.”

“Đồ chúng nghe lời, lui ra, bảo nhau rằng: Bọn ta chẳng cần phải lẳng lòng dụng ý viết kệ trình Hoà thượng làm chi. Thượng tọa Thần Tú hiện là Giáo thọ, ắt là sẽ được. Bọn ta có làm kệ cũng chỉ uống tâm lực mà thôi!” Rồi tất cả đều buông xuôi, tự nghĩ rằng: “Từ đây về sau, chúng ta chỉ cần nương theo Sư Thần Tú, còn phải phiền lòng làm kệ mà chi?”

“Thần Tú thì lại suy nghĩ: Mọi người chẳng làm kệ, vì ta đây đối với họ là thầy Giáo thọ. Còn như ta lại cần phải làm kệ trình Hoà thượng. Vì nếu chẳng trình kệ Hoà thượng làm sao biết chỗ hiểu biết trong lòng ta sâu cạn thế nào? Ý ta trình kệ, vì cầu pháp tức là việc tốt, nếu vì cầu ngôi Tổ tức là việc xấu, cũng như tâm phàm phu muốn đoạt ngôi Thánh, có khác gì nhau? Mà nếu chẳng trình kệ, rốt cuộc lại chẳng được Pháp. Thật là khó lắm, khó lắm!”

“Trước phòng Ngũ Tổ có ba gian mái hiên, ngài định mời quan Cung phụng là Lư Trân vẽ biến tướng Kinh Lăng già và biểu đồ truyền thừa năm vị Tổ để lưu truyền cúng dường. Thần Tú làm kệ xong, mấy phen muốn đem trình, cứ lên đến trước thềm thì trong lòng hoảng hốt, mồ hôi ra khắp mình, muốn trình mà chẳng được. Trái qua bốn ngày, đến mười ba lần như vậy, chẳng trình kệ được! Tú bèn suy nghĩ: “Chi

bằng viết vào vách dưới mái hiên, khiến cho Hoà thượng xem thấy. Nếu Ngài bảo là hay, thì ta ra lễ bái, nhận là mình làm. Còn nếu Ngài bảo là chẳng được, thì thật uổng công bao năm ở núi, nhận sự lễ bái của người, còn tu hành gì nữa?”

“Nghĩ vậy canh ba đêm ấy chẳng cho ai biết, tự mình cầm đèn đến viết bài kệ lên vách mái hiên phía nam trình chỗ hiểu biết trong tâm mình. Kệ rằng:

*Thân là cây Bồ-đề
Tâm như đài gương sáng.
Thường siêng lau siêng rửa
Chớ để bám bụi nhơ.*

“Thần Tú viết kệ rồi, lui về phòng, không ai hay biết. Lại suy nghĩ rằng: “Ngày mai, Ngũ Tổ thấy kệ mà vui mừng, tức là ta có duyên với Pháp. Còn nếu Ngài bảo chẳng được, tức là ta ngu mê, nghiệp chướng còn nặng chẳng thể đắc Pháp. Ý Thánh thật khó lường!” Ở trong phòng suy tưởng mãi, nằm ngời chẳng yên, cho đến tận canh năm.

“Tổ vốn đã biết là Thần Tú chưa được đạo, chẳng thấy tự tánh.

“Sáng ra, Tổ mời quan Cung phụng họ Lư đến chỗ vách tường mái hiên phía Nam để vẽ biểu đồ. Chợt thấy bài kệ ấy, liền bảo rằng: “Quan Cung phụng chẳng cần vẽ nữa. Thật đã làm nhọc ngài từ xa đến đây! Kinh nói: “Những gì có hình tướng đều là hư vọng”. Chỉ cần lưu lại bài kệ này cho người trì tụng. Y theo kệ này tu khởi đọa nẻo ác, y theo kệ này tu, được lợi ích lớn. Nói rồi sai môn nhân đốt hương lễ kính, bảo mọi người đều nên tụng kệ này. Môn nhân tụng kệ đều khen: “Hay lắm thay!”

“Khoảng canh ba, Tổ gọi Thần Tú vào phòng, hỏi rằng: “Kệ của người làm phải không?” Thần Tú nói: “Thật là Tú này làm, chẳng phải dám vọng cầu ngôi Tổ, chỉ mong Hoà thượng từ bi xem coi có chút trí tuệ nào hay không?”

“Tổ nói: “Người làm kệ này chưa thấy được bản tánh chỉ như đến ngoài cửa, chưa vào được trong. Như đem chỗ hiểu biết ấy mà cầu đạo Vô thượng Bồ-đề thì quyết chẳng thể được. Vô thượng Bồ-đề vốn tự bản tâm thấy tự bản tánh, chẳng sanh chẳng diệt. Bất cứ lúc nào, niệm tưởng nào cũng đều tự thấy biết, muôn pháp không ngăn ngại, một pháp chân thật thì hết thảy pháp đều chân thật muôn cảnh tự như như. Tâm như như đó tức là chân thật. Nếu thấy biết được như vậy, tức là tự tánh Vô thượng Bồ-đề. Người nên lui về suy nghĩ trong một hai ngày nữa, làm một bài khác trình ta xem. Nếu kệ của người vào được trong cửa,

ta sẽ truyền pháp và y.”

“Thần Tú làm lễ lui ra, lại qua dài ngày, làm kệ chẳng được. Trong lòng hoảng hốt, tâm thần chẳng yên, mơ màng như trong mộng, lúc đi lúc ngồi đều chẳng được vui.

“Hai hôm sau, có một chú tiểu đi ngang qua chỗ giả gạo, tụng bài kệ của Thần Tú. Huệ Năng vừa nghe qua, biết ngay bài kệ ấy chưa thấy được bản tánh. Tuy chưa được dạy dỗ giáo pháp, nhưng đã sớm biết đại ý. Liên hỏi chú tiểu rằng: “Người tụng kệ gì vậy?”

“Chú tiểu nói: Gã mường mán này, thật không biết gì sao? Đại sư có nói: Người đời sanh tử là việc lớn. Ngài muốn truyền pháp và y, nên dạy môn đồ làm kệ trình. Nếu ai ngộ được đại ý. Ngài sẽ trao y và pháp, cho làm Tổ thứ sáu. Thượng toạ Thần Tú viết bài kệ Vô tướng trên vách tường hiên phía Nam. Đại sư bảo mọi người đều nên tụng, tu theo kệ ấy khỏi đoạ nẻo ác, tu theo kệ ấy, có lợi ích lớn.”

“Huệ Năng nói: Đây thượng nhân! Tôi giả gạo nơi đây hơn tám tháng rồi, chưa hề lên tới trước chùa. Mong được thượng nhân dẫn tôi tới trước bài kệ đó để lễ bái.

“Chú tiểu dẫn đến lễ bái trước bài kệ. Huệ Năng nói: “Huệ Năng không biết chữ, xin thượng nhân đọc giùm cho nghe.”

“Khi ấy, có quan Biệt giá! Giang Châu họ Trương, tên Nhật Dụng cao giọng đọc lên. Huệ Năng nghe rồi liền nói: “Tôi cũng có một bài kệ, mong được quan Biệt giá viết giùm tôi.”

“Biệt giá nói: “Người cũng làm kệ, thật là việc ít có!”

“Huệ Năng nói với quan Biệt giá: “Muốn học đạo Vô thượng Bồ-đề, chẳng nên khinh người mới học. Người thấp hèn có khi có trí tuệ cao thượng, người cao thượng có khi không trí tuệ. Nếu khinh người mắc tội không kể xiết!”

“Biệt giá nói: “Người chỉ việc đọc kệ đi, ta viết giùm cho. Nếu người đắc Pháp, nên tiếp độ ta trước, chớ quên lời. Huệ Năng đọc kệ rằng:

*Bồ-đề vốn chẳng phải cây
Gương sáng cũng chẳng phải đài.
Xưa nay vốn không một vật,
Chỗ nào bám được bụi nhơ?*

“Viết bài kệ xong, đồ chúng đều kinh hãi, ai nấy sững sốt bảo nhau rằng: “Lạ thay! Thật là không thể lấy vẻ ngoài để xét đoán người! Sao lâu nay chúng ta lại dám sai khiến vị Bồ tát xác phàm này?”

“Tổ thấy mọi người kinh động, e có kẻ làm hại Huệ Năng, bèn lấy

chiếc dép chà xoa bài kệ ngay đi và nói rằng: “Cũng chưa thấy tánh, Đồ chúng đều nghe vậy.

“Hôm sau, Tổ đến chỗ giả gạo, thấy Huệ Năng lưng đeo đá, giả gạo, bảo rằng: “Người cầu đạo, vì pháp quên mình đến thế sao?” Lại hỏi: “Gạo đã trắng chưa?” Huệ Năng thưa: “Gạo trắng đã lâu, còn thiếu cái sàng gạo.” Tổ liền dùng gậy gõ lên thành cối ba cái rồi đi.”

“Huệ Năng hiểu ý Tổ, trống canh ba vào thất. Tổ lấy áo cà sa che quanh, chẳng cho ai trong thấy, rồi giăng kinh kim cương cho nghe. Đến câu “Nên sanh tâm từ nơi chỗ chẳng trụ vào đâu cả. Huệ Năng vừa nghe liền đại ngộ, hiểu rằng hết thủy muôn pháp chẳng rời tự tánh Liên bạch Tổ rằng: “Ngờ đâu tự tánh vốn tự thanh tịnh. Ngờ đâu tự tánh vốn chẳng sanh diệt. Ngờ đâu tự tánh vốn tự đầy đủ. Ngờ đâu tự tánh vốn chẳng lay động. Ngờ đâu tự tánh sanh ra muôn pháp.”

“Tổ biết là đã ngộ bản tánh, nên bảo Huệ Năng rằng: “Chẳng biết bản tâm, học pháp vô ích. Nếu tự biết bản tâm, tự thấy bản tánh, tức là bậc Trượng phu; là thầy của hàng trời, người, là Phật.”

“Thọ pháp vào canh ba, chẳng ai hay biết. Tổ truyền pháp Đốn giáo và y bát, bảo rằng: “Nhà người làm Tổ đời thứ sáu, khéo tự giữ gìn, rộng độ chúng sanh, lưu truyền đạo lý cho đời sau, đừng để tuyệt mất. Hãy nghe kệ ta đây:

*Tình khởi nên gieo giống,
Vòng nhân quả loanh quanh.
Không tình cũng không giống
Không tánh cũng không sanh.*

“Tổ lại nói: Thuở xưa, Đại sư Đạt ma mới đến đất này, lòng người chưa tin, nên truyền y này như vật làm tin, đời đời truyền nối. Còn truyền pháp tất phải lấy tâm truyền tâm, khiến cho tự ngộ, tự chứng. Từ xưa, chư Phật chỉ truyền bản thể, chư Tổ ngâm nối bản tâm. Y là đầu mối sanh ra tranh đoạt, đến người không nên truyền nữa. Nếu truyền y này thì nguy đến tánh mạng. Người nên đi mau đi, kéo có người làm hại. Huệ Năng thưa hỏi: “Giờ biết đi đâu?” Tổ đáp: “Gặp Hoài thì ngừng; gặp Hội thì ẩn”.

“Huệ Năng nhận y bát đang lúc canh ba, thưa với Tổ rằng: “Huệ Năng người miền Nam, không thông thạo đường đi ở núi này, làm sao ra được đến cửa sông?” Tổ đáp: Người chẳng phải lo, ta tự đưa người đi.

“Tổ đưa ra đến bến Cửu Giang, bảo Huệ Năng lên thuyền. Ngài tự cầm chèo mà chèo đi. Huệ Năng thưa: Xin Hoà thượng ngồi, để đệ tử chèo. Tổ nói: “Ta nên độ người sang sông.” Huệ Năng thưa: khi mê

thầy độ, ngộ rồi thì tự độ. Độ tuy là một tiếng, mà chỗ dùng chẳng giống nhau. Huệ Năng sanh nơi biên địa, giọng nói không chuẩn, được nhờ Thầy truyền pháp, nay đã ngộ rồi, chỉ nên tự độ.”

“Tổ nói: “Đúng vậy, đúng vậy! Pháp Phật từ nay về sau do người mà rộng truyền. Người đi rồi, ba năm sau ta sẽ bỏ cõi thế. Người đi may mắn, gắng sức về phương Nam. Nên ẩn nhẫn, chớ vội vàng giảng pháp, pháp Phật sẽ khó mà sanh khởi.”

“Huệ Năng từ biệt Tổ, hướng phương Nam mà đi. Ngũ Tổ quay về, luôn mấy ngày chẳng lên giảng đường. Môn đồ nghi hoặc, gặng hỏi Ngài: “Chẳng hay Hoà thượng có bệnh hoạn sâu não vì chẳng?”

“Ngài đáp: Ta không bệnh, nhưng y pháp đã về phương Nam rồi.”

“Chúng đệ tử lại hỏi: Ai được truyền thọ?”

“Ngài đáp: Huệ Năng được”

“Lúc ấy đồ chúng mới biết. Liền có vài trăm người đuổi theo, muốn cướp y bát. Trong số đó có một vị tăng tên Huệ Minh, họ Trần, trước đây từng giữ chức quan võ hàng tứ phẩm, tánh tình thô bạo, hết sức đuổi tìm. Ông này cầm đầu cả bọn, đuổi riết trong hai tháng, tới núi Đại Sư thì bắt kịp.

“Huệ Năng đặt y bát trên một hong đá mà nói rằng: Áo này là vật làm tin, há dùng sức mà tranh được sao?”

“Huệ Năng ẩn vào cỏ rậm. Huệ Minh đuổi tới, đưa tay nhận lấy y bát, nhắc lên không được, liền kêu lên rằng: “Hành giả, hành giả! Tôi thật vì pháp, chẳng phải vì y mà đến đây.”

“Huệ Năng bước ra, lên ngồi trên hòn đá. Huệ Minh lễ bái, nói: Mong được ngài vì tôi mà thuyết pháp. Huệ Năng nói: Nếu ông đã vì pháp mà đến đây, vậy nên dứt bỏ hết các duyên, chớ sanh niệm tưởng, ta sẽ vì ông mà giảng rõ, một lúc lâu sau. Huệ Năng mới nói: Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ngay trong lúc ấy, mặt mũi xưa nay của Thượng toạ Minh là gì?”

“Huệ Minh nghe qua đại ngộ, lại hỏi: Ngoài lời kín đáo, ý bí mật đó, còn có bí mật nào khác nữa chẳng?. Huệ Năng đáp: Đã nói ra với ông, tức chẳng phải bí mật. Nếu ông tự soi xét lại mình, thì chỗ bí mật chính ở nơi ông. Huệ Minh nói: “Tôi tuy ở chỗ Hoàng Mai nhưng thật chưa tự nhận ra mặt mũi của mình. Nay nhờ ngài chỉ dạy cho, như người uống nước, nóng lạnh tự nhận ra. nay ngài chính là thầy của Huệ Minh này vậy. Huệ Năng nói: Nếu ông được như vậy, thì ta với ông cùng một thầy là Tổ Hoàng Mai, nên khéo tự giữ gìn. Huệ Minh lại hỏi: Từ nay

Huệ Minh biết đi đâu? Huệ Năng nói: Đến Viên thì dừng, gặp Mông thì ở. Huệ Minh lễ bái từ biệt.

“Huệ Năng sau đến Tào Khê, lại bị kẻ ác đuổi tìm, bèn lánh nạn trong đoàn thợ săn nơi huyện Tứ Hội, trải qua mười lăm năm, thường khi tùy nghi thuyết pháp với bọn thợ săn. Thợ săn thường sai giữ lưới, mỗi khi có thú vướng vào thì lén thả ra hết. Đến bữa cơm, chỉ ăn rau luộc chung trong nồi thịt. Hoặc có kẻ hỏi, liền đáp rằng: Chỉ ăn rau luộc bên thịt được rồi.”

“Một ngày kia, tự nghĩ đã đến lúc hoằng pháp, không nên ẩn lánh nữa. Liền đi qua Quảng Châu, đến chùa Pháp Tánh, gặp lúc Ấn Tông Pháp sư đang giảng Kinh Niết Bàn. Khi ấy, trong chúng có hai vị tăng bàn cãi chuyện gió và phướn. Một vị nói: “Gió động”. Vị kia nói “Phướn động”. Bàn cãi hồi lâu chẳng dứt, Huệ Năng bước đến nói rằng: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, ấy là tâm các ông động”. Cả chúng nghe đều kinh hãi.

“Ấn Tông liền thỉnh ngồi trên, hỏi nghĩa sâu kín Thấy Huệ Năng nói lời giảng dị mà lý chánh đáng, chẳng theo văn tự, Ấn Tông mới nói: “Ngài chắc chắn không phải người thường! Từ lâu vẫn nghe y pháp của Tổ Hoàng Mai đã về phương Nam, chắc là ngài đây chăng?”

“Huệ Năng nói không dám”.

“Ấn Tông liền làm lễ, xin đưa y bát ra cho đại chúng xem. Ấn Tông lại hỏi: Ý chỉ truyền trao của Ngài Hoàng Mai như thế nào?” Huệ Năng đáp: “Trao nhận tức là không, chỉ luận việc thấy tánh, không luận bàn thiền định giải thoát.”

“Tông hỏi: “Sao chẳng luận bàn thiền định giải thoát?”

“Huệ Năng đáp: Vì là pháp phân biệt đối đãi, chẳng phải pháp Phật. Pháp Phật là pháp không phân biệt đối đãi”.

“Tông lại hỏi: “Thế nào là pháp Phật không phân biệt đối đãi?”

Huệ Năng đáp: “Pháp sư giảng kinh Niết bàn, làm rõ Phật tánh, ấy là pháp Phật không phân biệt đối đãi. Như khi Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi Phật rằng: “Những kẻ phạm bốn giới cấm nặng, làm năm tội nghịch và bọn nhất xiển đề có dứt mất thiện căn, tánh Phật hay không?” Phật đáp: “Thiện căn có hai: một là thường, hai là vô thường. Tánh Phật chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, nên không thể dứt mất.” Đó là không phân biệt đối đãi. Lại nữa, một là thiện, hai là bất thiện, tánh Phật chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện, như vậy là không phân biệt đối đãi. Các uẩn và giới, phạm phu thấy có phân biệt, kẻ trí hiểu rõ tánh thật không phân biệt. Tánh thật không phân biệt ấy là tánh Phật. Ấn

Tông nghe giảng giải, vui mừng chấp tay nói rằng: Lữ chúng tôi giảng kinh dường như ngói, sỏi, còn Ngài luận nghĩa thật như vàng ròng!”

“Liên đó, Ân Tông cạo tóc cho Huệ Năng, nguyện thờ làm thầy. Huệ Năng dưới cây Bồ-đề nơi ấy mà khai mở Pháp môn Đông Sơn.

“Huệ Năng này đặc pháp ở Đông Sơn, từng chịu đủ mùi cay đắng, tánh mạng mong manh như sợi tơ treo. Ngày nay cùng sứ quân và các quan viên, tăng, ni, đạo, tục đồng trong hội này. Nếu các vị chẳng nhờ duyên lành, từ nhiều kiếp xa xưa, từng trong quá khứ cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, làm sao lại được nghe nhân duyên đặc pháp Đốn giáo như ta vừa kể?

“Giáo pháp là do các vị Thánh trước đây truyền lại chẳng phải tự do trí Huệ Năng biết được. Nguyện cho những ai nghe giáo pháp này, đều được thanh tịnh trong tâm. Nghe rồi đều tự dứt lòng nghi, đồng như Thánh nhân không khác”.

Hết thấy chúng hội nghe Pháp, thấy đều vui mừng làm lễ lui ra.

PHẨM THỨ HAI BÁT- NHÃ

Hôm sau, Vi sử quân lại thỉnh thuyết pháp nữa. Sư lên toà, bảo đại chúng: “Mọi người nên định tâm niệm câu: Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật đà.”

Rồi sư dạy rằng: “Các vị thiện tri thức! Trí Bát-nhã Bồ-đề, người đời vốn tự có. Chỉ bởi tâm mê, không thể tự thấy, nên phải nhờ bậc đại thiện tri thức chỉ ra mới thấy tánh. Nên biết rằng, người ngu kẻ trí đều sẵn có tánh Phật, chẳng khác chi nhau. Chỉ bởi mê, ngộ chẳng đồng nhau, cho nên mới có người ngu, kẻ trí. Nay ta vì chư vị nói pháp Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật, khiến cho mọi người đều được trí tuệ. Hãy chú tâm nghe cho kỹ!

“Các vị thiện tri thức! Người đời cả ngày miệng niệm Bát-nhã mà chẳng biết Bát-nhã là tự tánh của mình, cũng như chỉ nói ăn, thật chẳng được no. miệng chỉ nói lẽ không, muôn kiếp chẳng được thấy tánh, rốt cuộc chẳng ích lợi gì.

“Các vị thiện tri thức! Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật là tiếng Phạn, nghĩa là Trí tuệ lớn tới bờ bên kia. Việc ấy do nơi thực hành ở tâm, chẳng do miệng niệm. Miệng niệm mà tâm chẳng thực hành, cũng như huyễn hoá, như sương móc, điện chớp. Miệng niệm tâm thực hành, tất tâm với miệng hợp nhau; bản tánh là Phật, lìa tánh ra không có Phật nào khác.

“Sao gọi là Ma ha? Ma ha nghĩa là lớn. Tâm lượng rộng lớn như hư không, không bờ bến, cũng không vuông tròn, lớn nhỏ, xanh vàng đỏ trắng. Cũng không trên dưới ngắn dài. Cũng không giận, mừng, phải, quấy; không lành dữ, không đầu đuôi, cho đến các cõi thế giới chư Phật đều là hư không. Tánh linh diệu của người đời vốn là không, không một pháp nào có thể đắc. Tự tánh của chân không, lại cũng như vậy.

“Các vị thiện tri thức! Cũng đừng nghe ta thuyết không mà liền chấp lấy lẽ không. Đây là điều quan trọng nhất. Nếu lấy tâm không mà ngồi thiền, tức vướng mắc vào chỗ tâm không không nghĩ nhớ.

“Các vị thiện tri thức! Cõi thế giới hư không bao hàm thể sắc, hình tượng muôn vật: mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi sông, đất đai, suối nguồn, khe rạch, cỏ cây, rừng rậm, kẻ ác, người hiền, pháp lành, pháp dữ, thiên đường, địa ngục, hết thủy biển cả, núi non... thủy đều nằm trong hư không. Tánh không của người đời lại cũng như vậy.

“Các thiện tri thức! Tự tánh bao hàm muôn pháp, nên gọi là lớn.

Muôn pháp ở trong tánh người. Nếu thấy hết thấy kẻ ác người hiền mà lòng không vương mắc, cũng chẳng chê bỏ, cũng chẳng đắm nhiễm, tâm như hư không, như vậy là lớn, nên nói là Ma ha.

“Các vị thiện tri thức! Người mê chỉ nói miệng, người trí tâm thực hành. Lại có người mê giữ tâm mà ngồi thiền, đối với trăm việc đều không nghĩ đến, tự xưng là lớn. Những người như thế, chẳng thể cùng luận bàn, vì họ đã rơi vào tà kiến.

“Các vị thiện tri thức! Tâm lượng rộng lớn, biến khắp Pháp giới. Dùng đến thì rành rẽ phân minh, ứng dụng liền biết hết thấy. Hết thấy là một, một là hết thấy. Đến đi tự do. Tâm không ngăn ngại, tức là Bát-nhã.

“Các vị thiện tri thức! Hết thấy trí Bát-nhã đều do tự tánh sanh ra, chẳng từ ngoài vào, chớ nên hiểu sai. Như vậy gọi là tự ứng dụng chân tánh. Một lẽ chân thật, hết thấy mọi lẽ đều chân thật. Tâm lượng rộng lớn chẳng làm việc nhỏ nhen. Dùng nên suốt ngày miệng nói lẽ không mà trong tâm chẳng tu hạnh này, khác nào dân thường tự xưng mình là vua, rốt cùng chẳng thể được. Người như vậy chẳng phải đệ tử ta.

“Các vị thiện tri thức! Sao gọi là Bát-nhã? Bát-nhã nghĩa là trí tuệ. Ở mọi nơi, mọi lúc trong mọi niệm tưởng đều chẳng ngu mê, thường sáng trí tuệ, tức là hạnh Bát-nhã. Một niệm ngu mê thì Bát-nhã dứt mất, một niệm trí tuệ tức Bát-nhã sanh. Người đời ngu mê, chẳng hiểu Bát-nhã. Miệng nói Bát-nhã mà trong tâm thường ngu mê. Miệng thường nói: “Ta tu Bát-nhã.” Mỗi niệm đều nói lẽ không, mà chẳng thật hiểu chân không, Bát-nhã không có hình tướng, chính là tâm trí tuệ. Nếu hiểu được như vậy tức là trí Bát-nhã.

“Sao gọi là Ba-la-mật? Đó là tiếng Phạn, nghĩa là đến bờ bên kia, phải nên hiểu là lìa khỏi sanh diệt. Tâm vương mắc nơi cảnh thì sanh diệt khởi, như nước cuộn nổi sóng, tức là bờ bên này. Tâm lìa khỏi cảnh thì không sanh diệt, như nước thường chảy thông, tức là bờ bên kia, nên gọi là Ba-la-mật.

“Các vị thiện tri thức! Người mê miệng niệm, mà ngay trong lúc niệm vẫn có điều hư vọng, sai trái. Mỗi niệm đều thực hành, gọi là chân tánh. Người ngộ được pháp này chính là pháp Bát-nhã, người tu theo hạnh này, chính là hạnh Bát-nhã. Chẳng tu tức là kẻ phàm, một niệm tu hành liền tự mình không thua kém Phật.

“Các vị thiện tri thức! Phạm phu chính là Phật, phiền não chính là Bồ-đề. Niệm trước còn mê là phạm phu, niệm sau thức tỉnh là Phật. Niệm trước còn vương mắc nơi cảnh là phiền não, niệm sau lìa cảnh là

Bồ-đề.

“Này thiện tri thức!

*Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật,
Cao nhất, quý nhất, pháp đệ nhất
Không trụ, không qua cũng không lại,
Ba đời chư Phật từ đó sanh.*

“Phải dùng trí tuệ sáng suốt mà phá vỡ khối phiền não trần lao năm uẩn. Tu hành như vậy chắc chắn thành Phật. Chuyển hoá ba độc thành Giới, Định, Tuệ.

“Các vị thiện tri thức! Pháp môn này từ một Bát-nhã sanh ra tám muôn bốn ngàn trí tuệ. Vì sao vậy? Vì người đời có tám muôn bốn ngàn trần lao.

“Nếu không trần lao, trí tuệ thường hiển hiện, chẳng lìa tự tánh. Người ngộ Pháp này, tức không niệm tưởng, không nghĩ nhớ, không vướng mắc. Chẳng phải tâm lầm lẫn, hư vọng, ứng dụng tự tánh chân như. Dùng trí tuệ quán xét các pháp, chẳng lấy, chẳng bỏ, tức là thấy tánh, thành Phật đạo.

“Các vị thiện tri thức! Nếu người nào muốn vào sâu tận cội nguồn Pháp giới, cùng là Bát-nhã tam muội, thì nên tu hạnh Bát-nhã. Trì tụng Kinh Kim Cang Bát-nhã tất sẽ thấy tánh. Phải biết rằng công đức của kinh này vô lượng vô biên. Trong kinh có tán thán rõ ràng, thật chẳng thể nói hết. Pháp môn này là Tối thượng thừa, vì người đại trí mà thuyết, vì người thiện căn mà thuyết. Người trí thô, căn thấp nghe rồi sanh lòng nghi ngờ. Vì sao vậy? Như khi mưa lũ lớn, thành ấp, xóm làng đều trôi dạt hết, như lá táo trôi. Nhưng nếu mưa xuống biển cả, thì nước ở đó chẳng thêm chẳng bớt. Bậc đại thừa, tối thượng thừa nghe giảng Kinh Kim Cang, tâm liền khai ngộ, hiểu rõ rằng bản tánh tự có trí Bát-nhã, nhờ tự dùng trí tuệ thường quán xét, chẳng do văn tự.

“Ví như nước mưa, chẳng phải tự nhiên mà có, chính là để làm cho hết thủy cỏ cây, giống hữu tình, giống vô tình đều được thấm nhuần. Trăm sông, muôn dòng đều chảy vào biển cả, hợp làm một thể. Trí Bát-nhã của tự tánh chúng sanh lại cũng như vậy.

“Các vị thiện tri thức! Những người căn cơ thấp, nghe pháp đốn ngộ này, cũng như cỏ cây nhỏ bé ít rễ, nếu bị mưa lớn đều nghiêng ngã hết, không thể lớn lên. Nhưng người căn cơ dù thấp, vốn cũng có trí Bát-nhã như bậc đại trí không khác, vậy vì sao nghe pháp lại chẳng tự khai ngộ? Đó là do tà kiến nặng nề che lấp, gốc phiền não sâu. Như đám mây lớn che khuất mặt trời, nếu không có cơn gió mạnh thổi tan đi,

ánh sáng mặt trời tất không hiện ra được. Trí Bát-nhã lại cũng không, có lớn nhỏ sai khác, chỉ vì tất cả chúng sanh tự tâm mê ngộ chẳng đồng. Tâm mê hướng chỗ thấy biết ra bên ngoài mà tu hành cầu tìm Phật, chưa thấy được tự tánh, tức là hàng căn cơ thấp. Nếu ngộ rõ pháp Đốn giáo này, chẳng vướng mắc việc tu hành ngoài tâm, chỉ tự trong tâm thường khởi thấy biết chân chánh, phiền não trần lao chẳng thể làm cho ô nhiễm, đó tức là thấy tánh.

“Các vị thiện tri thức! Trong ngoài chẳng trụ, qua lại tự do, trừ được tâm chấp trước, thông đạt không ngại, tu được hạnh ấy, so với Kinh Bát-nhã không sai khác gì nhau.

“Các vị thiện tri thức! Hết thấy kinh sách, văn tự hai thừa Đại, Tiểu, mười hai bộ kinh điều do trí người đặt ra, nhân tánh trí tuệ mà kiến lập. Nếu không có người đời, hết thấy muôn pháp vốn tự chẳng có. Cho nên biết rằng muôn pháp vốn do người mà khởi lên, hết thấy kinh sách vốn do người thuyết mà có. Bởi người có ngu, có trí, nên kẻ ngu làm thân thấp hèn, người trí làm bậc cao quý. Kẻ ngu hỏi nơi người trí; người trí thuyết pháp với kẻ ngu. Kẻ ngu chột ngộ, hiểu rõ, tâm trí khai mở liền không khác gì người trí.

“Các vị thiện tri thức! Không ngộ thì Phật là chúng sanh, một niệm ngộ rồi chúng sanh là Phật. Cho nên biết rằng muôn pháp đều ở nơi tự tâm. Vậy sao chẳng tự trong tâm mình trực nhận ra bản tánh chân như? Bồ tát Giới Kinh nói: “Tự tánh của ta vốn tự thanh tịnh. Nếu biết tự tâm, thấy bản tánh, hết thấy đều thành Phật đạo.” Tịnh Danh kinh nói: “Hoát nhiên chột nhận lại được bản tâm.”

“Các vị thiện tri thức! Ta ở nơi Hoà thượng Hoàng Nhãn, vừa nghe pháp liền ngộ, nhìn thẳng ra bản tánh chân như. Bởi vậy nên mang giáo pháp này lưu hành, giúp cho kẻ học đạo trực nhận Bồ-đề. Mọi người nên tự quán xét tâm, tự thấy bản tánh. Nếu tự mình chẳng ngộ, nên tìm cầu bậc đại thiện tri thức giảng pháp Tối thượng thừa, chỉ thẳng đường ngay cho. Phải là bậc thiện tri thức có nhân duyên lớn, dạy dỗ, dắt dẫn, khiến cho được thấy tánh. Tất cả pháp lành nhờ nơi thiện tri thức mà phát khởi. Chư Phật ba đời, mười hai bộ kinh, vốn sẵn có đủ trong tánh người. Nếu không tự ngộ được nên cầu thiện tri thức chỉ ra cho thấy. Nếu tự ngộ được, chẳng cần tìm cầu bên ngoài. Nếu cứ cố chấp rằng không người khai ngộ thì không giải thoát, thật không đúng lẽ. Vì sao vậy? Tự trong tâm có trí thức tự ngộ. Nếu khởi tà mê, vọng niệm điên đảo, dù có thiện tri thức bên ngoài dạy dỗ, cũng chẳng cứu được. Nếu khởi trí Bát-nhã chân chánh quán xét, tức thời các vọng niệm đều diệt

mất. Nếu biết tự tánh, một khi ngộ rồi liền đến ngay cõi Phật.

“Các vị thiện tri thức! Trí tuệ quán xét, trong ngoài sáng rõ, biết tự bản tâm. Nếu biết bản tâm tức là gốc giải thoát. Nếu được giải thoát, tức là Bát-nhã Tam muội. Bát-nhã Tam muội, tức là không niệm.

“Sao gọi là không niệm? Nếu thấy tất cả các pháp mà tâm không đắm nhiễm, đó là không niệm. Ứng dụng liền biến khắp hết mọi nơi, cũng chẳng vướng mắc hết thảy mọi nơi. Chỉ giữ tâm thanh tịnh, khiến sáu thức ra khỏi sáu cửa, ở giữa sáu trần mà không nhiễm tạp. Đến đi tự tại, ứng dụng lưu thông không ngăn ngại, tức là Bát-nhã Tam muội. Tự tại giải thoát, gọi là hạnh không niệm. Nếu trăm việc đều thôi không nghĩ đến, dứt mọi tâm niệm, tức bị pháp trói buộc, gọi là kiến giải sai lệch.

“Các vị thiện tri thức! Người ngộ pháp không niệm, muôn pháp đều thông hiểu, nhìn thấy cảnh giới chư Phật, đến được địa vị của Phật.

“Các vị thiện tri thức! Về sau có ai hiểu được pháp Đốn giáo này, lại cùng với người đồng kiến giải, đạo hạnh phát nguyện thọ trì như phụng thờ Phật, người ấy suốt đời chẳng còn thối chuyển, quyết chứng thánh quả. Vậy nên cần phải truyền trao nối tiếp pháp giáo xưa nay chẳng được giấu giếm chánh pháp. Nếu gặp người chẳng đồng kiến giải, đạo hạnh, riêng pháp này chẳng được truyền trao, chỉ làm tổn hại, rốt cùng vô ích. Vì e rằng kẻ ngu chẳng hiểu, chê bai pháp môn này, rồi trăm kiếp ngàn đời phải đoạn dứt hạt giống tánh Phật.

“Các vị thiện tri thức! Ta có một bài tụng Vô tướng, mọi người đều nên tụng. Người tại gia, xuất gia cũng chỉ cần y theo đây mà tu. Nếu chẳng tự tu, chỉ nhớ lời ta nói cũng chẳng ích gì. Hãy nghe bài tụng đây:

*Thuyết thông tâm cũng thông
Như mặt nhật trên không.
Chỉ truyền pháp thấy Tánh,
Ra đời phá tà tông.
Pháp vốn không đốn tiệm,
Mê ngộ có chậm mau
Chỉ pháp thấy Tánh này,
Người ngu không thể hiểu,
Giảng thuyết tuy muôn đường,
Lý hợp lại thành một,
Trong nhà tối phiền não,*

Mặt trời tuệ nên soi.
Tà đến phiền não đến
Chánh khởi, phiền não trừ.
Chánh tà đều chẳng dụng.
Thanh tịnh đến Vô dư.
Bồ-đề vốn tự tánh,
Khởi tâm tức là vọng
Tâm tịnh trong chỗ vọng,
Chân chánh, trừ ba chướng.
Người đời nếu tu đạo,
Hết thấy chẳng gây hại,
Thường tự xét lỗi mình,
Là với đạo hợp nhau.
Sắc loài tự có đạo,
Chớ làm nào hại nhau.
Lìa đạo, riêng tìm đạo,
Trọn đời chẳng thấy đạo.
Lao đao trọn một đời,
Rốt cùng vẫn phiền não!
Muốn thấy Đạo chân chánh,
Làm việc đúng là Đạo,
Tự mình không tâm Đạo,
Ám muội sao thấy Đạo?
Nếu người thật tu hành,
Chẳng nói lỗi thế gian,
Nếu bàn lỗi người khác,
Tự mình lỗi không khác,
Người quấy, ta không quấy,
Ta quấy, lỗi tại ta,
Chỉ tự trừ tâm quấy,
Trừ sạch hết phiền não.
Ghét yêu chẳng bận lòng.
Duỗi chân dài thanh thảo.
Lòng muốn độ kẻ khác,
Nên tự biết phương tiện.
Khéo trừ sạch nghi ngờ.
Tự tánh tự hiển hiện,
Pháp Phật từ cõi thế,

*Không lia thể tỉnh giác.
Bỏ thể tìm Bồ-đề,
Như kẻ tìm sừng thỏ!
Chánh kiến là thoát tục,
Tà kiến là thế gian.
Chánh tà đều dứt sạch,
Tánh Bồ-đề hiển lộ.
Tụng này là Đốn giáo,
Cũng gọi: Đại Pháp Thuyền.
Mê nghe kinh nhiều kiếp,
Ngộ chỉ sát na thành.”*

Sư lại nói: “Nay tại chùa Đại Phạm giảng pháp Đốn giáo này, nguyện cho tất cả chúng sanh vừa nghe liền được thấy Tánh, thành Phật.

Khi ấy, Vi Sứ quân cùng các vị quan liêu và người đạo, kẻ tục nghe lời thuyết giảng của Sư rồi, hết thấy đều tỉnh ngộ, đồng thời làm lễ, xưng tán rằng: “Hay thay! Ngờ đâu xứ Lãnh Nam này có Phật ra đời!”

PHẨM THỨ BA NGHI VẤN

Một ngày kia, Vi Thứ sử thiết lập hội trai cúng dường Sư. Thọ trai xong, Thứ Sử thỉnh Sư lên toà, rồi cùng các vị quan liêu và sĩ thứ nghiêm trang lễ bái mà thưa hỏi rằng: “Đệ tử nghe Hoà thượng thuyết pháp, thật chẳng thể nghĩ bàn. Nay có chút lòng nghi, xin Hoà thượng đại từ bi vì chúng đệ tử mà giảng giải.”

Sư nói: “Có điều nghi cứ hỏi, ta sẽ giảng thuyết cho.”

Vi công thưa: “Giáo thuyết của Hoà thượng có phải là tông chỉ của Đạt ma Đại sư chăng?” Sư đáp: “đúng vậy.”

Vi công nói: “Đệ tử nghe chuyện Đạt ma thuở xưa giáo hoá cho Lương Võ Đế. Vua hỏi: Một đời trăm cất chùa, cúng dường tăng, bố thí, làm chay, có công đức gì không?” Đạt ma đáp: “Thật không công đức gì” Đệ tử chưa hiểu lẽ ấy, xin Hoà thượng giảng giải cho”.

Sư đáp: “Thật không có công đức. Đừng nghi ngờ lời của bậc Thánh đời trước. Võ đế lòng mê, chẳng rõ pháp chánh. Cất chùa, cúng dường tăng, bố thí, làm chay, gọi là cầu phước. Không thể lấy phước ấy mà xem là công đức. Công đức ở nơi Pháp thân, chẳng phải ở sự tu phước.”

Sư lại nói: “Thấy tánh là công, bình đẳng là đức. Mỗi niệm tưởng không ngăn ngại, thường thấy bản tánh, chân thật diệu dụng, gọi là công đức. Trong lòng khiêm nhượng là công, việc làm theo lẽ là đức. Tự tánh sanh ra muôn pháp là công, tâm lìa vọng niệm là đức. Chẳng rời tự tánh là công, ứng dụng mà không đắm nhiễm là đức. Muốn tìm Pháp thân công đức, cứ nương theo đó mà làm, ấy là công đức chân thật. Nếu người tu công đức thì lòng chẳng khinh mạn, thường cung kính hết thủy. Lòng hay khinh người, tánh tự tôn chẳng dứt là tự mình không có công, tánh hư vọng chẳng thật là tự mình không có đức. Vì tánh tự đại tự tôn, nên thường khinh hết thủy.

“Các vị thiện tri thức! Chánh niệm không gián đoạn là công; trong tâm công bình, chánh trực là đức. Tự tu tánh mình là công, tự tu thân là đức.

“Các vị thiện tri thức! Công đức nên nhìn từ trong tự tánh, không phải do bố thí, cúng dường mà cầu được, bởi vậy, phước đức với công đức khác nhau. Võ Đế chẳng biết chân lý, không phải lỗi nơi Tổ Sư ta.”

Quan Thứ sử lại hỏi: “Đệ tử thường thấy người xuất gia, tại gia

niệm Phật A Di đà, cầu sanh Tây phương Xin Hoà thượng vì trừ chổ nghi ngờ mà giảng cho việc có được sanh về nơi ấy hay không.”

Sư nói: “Sứ quân hãy lắng nghe Huệ Năng giảng giải việc ấy. Đức Thế Tôn nơi thành Xá vệ thuyết việc sanh về Tây phương. Kinh nói rõ ràng đến đó không xa. Nếu theo cách nói về hình tướng, thì số dậm là qua mười muôn ức cõi, chính là nói mười điều ác ngăn trở trong thân người, nên nói là xa. Nói xa, là nói những kẻ căn cơ thấp kém. Nói gần, là những bậc thượng trí.

“Người có hai loại, pháp không hai đường. Mê, ngộ khác nhau, chỗ hiểu biết có mau, chậm,. Người mê niệm Phật cầu sanh Tây phương, người ngộ chỉ tự làm tâm tịnh. Cho nên Phật nói: “Tuỳ tâm mình tịnh, tức cõi Phật tịnh.”

Sứ quân! Người phương Đông, chỉ cần tâm tịnh tức là không có tội. Dù là người phương Tây mà tâm chẳng tịnh cũng có lỗi. Người phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sanh phương Tây. Người phương Tây tạo tội, biết niệm Phật cầu sanh cõi nào? Người ngu chẳng hiểu tự tánh, không biết có cõi Tịnh độ trong thân, mới nguyện Đông nguyện Tây. Người ngộ dù ở đâu cũng vậy. Cho nên Phật nói: “Tuỳ chỗ mình ở mà thường an vui”. Sứ quân! Chỉ cần tâm thiện thì Tây phương chẳng xa. Nếu giữ hoài tâm bất thiện, niệm Phật cũng khó vãng sanh.

“Nay khuyên các vị thiện tri thức: Trước trừ mười điều ác, tức là qua được mười muôn cõi nước, trừ được mười sự ác chướng ngăn che. Mỗi niệm thường thấy tánh, thường làm chuyện công bằng, chánh trực, thì đến nơi như búng móng tay, liền thấy Phật Di đà. Sứ quân! Chỉ cần làm mười điều lành, cần gì phải nguyện vãng sanh? Nếu tâm chẳng dứt mười điều ác, Phật nào đến rước? Nếu ngộ pháp Vô sanh Đốn giáo, thì thấy Tây phương ngay trong giây lát. Chẳng ngộ, niệm Phật cầu sanh, đường xa làm sao mà đến? Huệ Năng sẽ vì chư vị, dời Tây phương về trước mắt trong giây lát. Mọi người muốn thấy hay chẳng?”

Mọi người đều đánh lễ, bạch rằng: “Nếu tại đây được thấy, cần chi phải nguyện vãng sanh. Xin Hoà thượng từ bi hiện cõi Tây phương cho chúng tôi được thấy.”

Sư nói: “Này đại chúng! Người đời, sắc thân là thành quách, mắt, tai, mũi, lưỡi đều là cửa. Ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là cõi đất, tánh là vua. Vua ở trên đất tâm. Tánh còn thì vua còn, tánh đi thì vua mất. Tánh còn thì thân tâm còn, tánh đi thì thân tâm hoại. Phật do trong tánh khởi lên, đừng cầu tìm ở bên ngoài.

“Tự tánh ngu mê là chúng sanh, tự tánh giác ngộ là Phật. Từ bi

là Quán Âm. Hỷ xả là Thế Chí. Thường tịnh tức Thích ca. bình trực là Di Đà. Tâm chấp ngã là núi Tu di, tâm tà là biển cả. Phiền não là sóng cuộn. Độc hại là rồng dữ. Hư vọng là quỷ thần. Trần lao là cá trạch. Tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh.

“Các vị thiện tri thức! Thường làm mười điều lành thì thiên đường tự đến. Trừ tâm chấp ngã thì làm đổ núi Tu di. Bỏ tâm tà thì biển cả khô cạn. Phiền não không còn thì sóng cuộn phải yên, độc hại quên đi thì cá, rồng phải diệt. Tự trong tâm địa là tánh giác Như Lai, phóng ánh đại quang minh, chiếu ra sáu cửa đều thanh tịnh, phá được các cõi trời Lục dục. Tự tánh soi chiếu bên trong, ba độc liền trừ, các tội địa ngục đồng thời tiêu diệt. Trong ngoài sáng rõ chẳng khác Tây phương. Còn nếu không tu hành như vậy, làm sao tới được nơi đó?”

Đại chúng nghe giảng thuyết, rõ ràng thấy tánh, cùng nhau lễ bái, xưng tán, nguyện rằng: “Lành thay! Nguyện cho hết thảy chúng sanh nghe được pháp này đều tức thời tỏ ngộ.”

Sư nói: “Các vị thiện tri thức! Nếu muốn tu hành, tại gia cũng tu được, không nhất thiết phải đến ở chùa. Tại gia thường tu hành, như người phương Đông mà tâm thiện Ở chùa chẳng tu hành, như người phương Tây mà tâm ác. Chỉ giữ tâm thanh tịnh, tức là tự tánh Tây phương.”

Vi công lại hỏi: “Tại gia tu hành như thế nào? Xin Đại sư chỉ dạy cho biết.”

Sư đáp: “Ta thuyết với đại chúng bài tụng “Vô tướng” Chỉ theo đó mà tu, như thường ở bên ta. Nếu chẳng theo đó mà tu, dầu cạo tóc xuất gia, có ích gì cho đạo?”

Tụng rằng:

*Tâm bình đẳng cân chi trì giới?
Hạnh chánh trực há đợi tu thiền?
Ân thời hiếu dưỡng mẹ cha,
Nghĩa thời kính trên, nhường dưới,
Nhường nhịn, trên dưới thuận hoà,
Nhẫn nhục, chuyện dữ lắng yên.
Nếu biết lấy lửa ở cây,
Bùn nhơ nở đoá sen hồng.
Đắng miệng mới là thuốc tốt,
Lời ngay ắt phải chướng tai,
Sửa lỗi, trí tuệ tất sanh,
Điều xấu giấu che chẳng tốt.*

*Hằng ngày làm việc lợi ích,
Đạo thành chẳng do thí tiền
Bồ-đề chỉ tự trong tâm
Nhọc chi hướng ngoại cầu tìm?
Nghe thuyết, y vậy tu hành,
Thiên đường hiện ngay trước mắt.*

Sư lại nói: “Các vị thiện tri thức! Mọi người nên y theo kệ ấy mà tu, sẽ thấy được tự tánh, thẳng đến quả Phật. Các pháp chẳng chờ đợi nhau. Các người nên giải tán đi, ta về Tào Khê. Nếu có điều chi nghi ngờ, cứ đến đó hỏi.”

Khi ấy, Thứ sử và quan liêu, thiện nam, tín nữ tại hội đều được khai ngộ, tin lãnh giáo thuyết, kính cẩn theo đó thực hành.

PHẨM THỨ TƯ ĐỊNH VÀ TUỆ

Sư dạy chúng rằng: “Các vị thiện tri thức! Pháp môn này của ta lấy định và tuệ làm gốc. Đại chúng đừng mê lầm cho rằng định và tuệ khác nhau. Định và tuệ là một thể, chẳng hai. Định là thể tánh của tuệ. Tuệ là chỗ dụng của định. Trong lúc có tuệ thì định ở nơi tuệ. Trong lúc có định thì tuệ ở nơi định. Rõ được nghĩa ấy, tức là việc tu tập định tuệ đều như nhau. Người học đạo chớ nói có tu thiền định trước rồi mới phát ra trí tuệ, hoặc trước có trí tuệ rồi sau mới tu được thiền định, cho là hai thứ khác nhau. Hiểu theo cách đó thì pháp có hai tướng, miệng nói thiện, trong tâm bất thiện, không có định tuệ, hoặc định tuệ chẳng bình đẳng nhau. Còn nếu tâm và miệng đều thiện, trong ngoài như một, thì định tuệ tức thì bình đẳng như nhau. Tự hiểu đạo mà tu hành, chẳng ở chỗ tranh biện. Nếu tranh biện trước sau là đồng với người mê, chẳng thể quyết đoán hơn thua, chỉ tăng thêm ngã chấp, chẳng rời khỏi bốn tướng.

“Các vị thiện tri thức! Lấy gì so sánh tương quan giữa định và tuệ? Có thể so sánh như ngọn đèn và ánh sáng vậy, có đèn thì sáng, không đèn thì tối. Đèn là thể tánh của sáng, sáng là chỗ dụng của đèn. Tên gọi tuy hai mà thể vốn là một. Nói về pháp định tuệ cũng giống như vậy.”
Sư dạy chúng rằng: “Các vị thiện tri thức! Nhất hạnh Tam muội nghĩa là bất kỳ ở nơi đâu, đi đứng nằm ngồi đều thường hành tâm chuyên nhất chánh trực. Kinh tịnh Danh nói: “Lòng ngay thẳng là đạo tràng, lòng ngay thẳng là Tịnh độ.” Chớ nên cho lòng tà vạy mà ngoài miệng nói lời chánh trực, hoặc miệng nói Nhất hạnh Tam muội mà lòng không chánh trực. Chỉ chuyên giữ một lòng ngay thẳng đối với các pháp dừng nên chấp trước. Người mê chấp trước pháp tướng, chấp cả Nhất hạnh Tam muội, nên nói: “Ngồi yên chẳng động, hư vọng chẳng khởi trong tâm là Nhất hạnh Tam muội. Kể hiểu như vậy cũng đồng như vật vô tình, chính là nguyên do chướng đạo.

“Các vị thiện tri thức! Đạo nên lưu thông, vì sao lại ngăn trệ? Tâm chẳng trụ nơi pháp, đạo liền lưu thông. Tâm trụ nơi pháp, ấy là tự trói lấy mình.

“Nếu nói ngồi yên chẳng động là đúng, ấy chỉ như Xá lý phát ngồi yên trong rừng bị Duy ma cật chê trách!

“Các vị thiện tri thức! Lại có người dạy ngồi xem tâm quán tĩnh, chẳng động, chẳng khởi, coi đó là công phu. Người mê chẳng hiểu,

thực hành theo mà thành điên đảo. Nhiều người bắt chước như vậy, rồi truyền dạy nhau, thật là lầm to.”

Sư dạy chúng rằng: “Các vị thiện tri thức! Chánh giáo xưa nay vốn không đốn, tiệm. Tánh người tự có lanh lợi, khờ khạo. Người mê tu theo pháp tiệm, người tỉnh hợp với pháp đốn. Tự biết được bản thân, thấy được bản tánh, tức không sai khác chi nhau. Vì thế, lập ra đốn, tiệm chỉ là tên gọi giả tạm.

“Các vị thiện tri thức! Pháp môn này xưa nay trước lập không niệm làm tông, không tướng làm thể, không trụ làm gốc. Không tướng là ở nơi tướng mà lìa tướng. Không niệm là trong chỗ nghĩ tưởng mà không nghĩ tưởng. Không trụ là bản tánh của người đối với những điều lành dữ, tốt xấu ở thế gian, cho đến với kẻ oán, người thân những lúc nói năng, đụng chạm, châm chọc, khinh khi, tranh giành đều xem như không, chẳng nghĩ chuyện thù hại.

“Trong mọi niệm tướng, chẳng suy nghĩ chuyện qua rồi. Nếu như niệm tướng đã qua, niệm tướng bây giờ và niệm tướng sắp đến cứ nối nhau chẳng dứt, ấy gọi là trói buộc. Đối với các pháp, niệm tướng chẳng trụ vào đâu cả, tức là không trói buộc. Đó là lấy không trụ làm gốc.

“Các vị thiện tri thức! Lìa hết thấy hình tướng, gọi là không tướng. Lìa được hình tướng. Pháp thể tất nhiên thanh tịnh. Đó là lấy không tướng làm thể.

“Các vị thiện tri thức! Đối với cảnh tâm không đắm nhiễm là không niệm. Trong mọi niệm tướng thường lìa khỏi cảnh, không đối cảnh mà sanh tâm. Nếu chỉ dứt nghĩ tưởng đến muôn vật, trừ cho tận hết tư tưởng, tư tưởng vừa dứt tức thời mạng dứt, thọ sanh nơi khác, ấy là lầm to. Kẻ học đạo nên suy xét chỗ đó. Nếu chẳng rõ ý pháp đã tự mình sai lầm, sau lại còn dắt dẫn người khác. Tự mình ngu mê chẳng thấy, lại chê bai kinh Phật. Đó là lập không niệm làm tông.

“Các vị thiện tri thức! Vì sao lập không niệm làm tông? Chỉ bởi người mê miệng nói thấy tánh, mà khi đối cảnh liền khởi niệm, từ niệm ấy khởi ra tà kiến. Hết thấy trần lao vọng tưởng đều do vậy mà sanh. Tự tánh vốn không một pháp có thể đắc. Nếu có chỗ đắc, hư dối luận chuyện hoạ phước, chính là trần lao tà kiến. Vì vậy nên lập không niệm làm tông.

“Các vị thiện tri thức! Nói không đó, là không những gì? Niệm, là niệm việc gì? Không là không có hai tướng, không có tâm trần lao. Niệm là niệm bản tánh chân như. Chân như là thể của niệm. Niệm là dụng của chân như. Tự tánh chân như khởi ra niệm, chẳng phải mất, tai,

mũi, lưỡi có thể niệm được. Chân như có tánh nên khởi ra niệm. Nếu không có chân như, thì tai mắt, màu sắc, âm thanh tức thời hoại mất.

“Các vị thiện tri thức! Tự tánh chân như khởi ra niệm. Sáu căn tuy có thấy, nghe nhận biết, mà không đắm nhiễm nơi cảnh, chân tánh thường tự tại. Cho nên kinh nói: “Khéo biết phân biệt tất cả các pháp, với nghĩa chân thật chẳng hề lay động.”

PHẨM THỨ NĂM NGÔI THIÊN

Sư dạy chúng rằng: “Môn ngôi thiên này, nguyên chẳng chấp trước nơi tâm, cũng chẳng sự chấp trước sự yên tịnh, cũng chẳng phải chẳng động. Nếu nói là chấp trước tâm, thì tâm nguyên là vọng. Biết tâm huyền hoá, nên không có gì để chấp trước. Nếu nói là chấp trước tịnh, thì tánh người vốn tịnh. Chỉ do vọng niệm che lấp chân như. Chỉ trong vọng niệm thì tánh tự thanh tịnh. Khởi tâm chấp trước tịnh, chỉ sanh chỗ tịnh không thật. Hư vọng không xứ sở, chấp trước cũng là vọng. Tịnh không có hình tướng, lại lập ra tướng yên tịnh, bảo là công phu. Hiểu biết như thế, tự che lấp bản tánh của mình, bị sự yên tịnh trôi buộc.

“Các vị thiện tri thức! Người tu phép chẳng động, trong khi nhìn người, chẳng nhìn những sự phải quấy, lành dữ, lầm lỗi của người. Đó là tự tánh chẳng động.

“Các vị thiện tri thức! Người mê tuy thân chẳng động mà miệng thường nói những điều phải quấy, dài ngắn, tốt xấu của người khác, trái ngược với Đạo. Nếu chấp trước nơi tâm, nơi tịnh, tức là che lấp mối Đạo vậy.”

Sư dạy chúng rằng: “Các vị thiện tri thức! Sao gọi là ngôi thiên? Trong pháp môn này, không có sự che lấp, ngăn trở. Đối với hết thấy các việc lành dữ, tâm chẳng khởi ra điều nghĩ, gọi là ngôi. Trong tâm thấy tánh của mình chẳng động, gọi là thiên.

“Các vị thiện tri thức! Sao gọi là thiên định? Lìa khỏi tướng là thiên. Trong tâm chẳng loạn là định. Nếu vướng mắc nơi tướng, tâm tất rối loạn. Nếu lìa khỏi tướng, tâm liền chẳng loạn. Tánh vốn tự tịnh, tự định chỉ vì thấy cảnh rồi nghĩ đến cảnh mà rối loạn. Nếu người thấy cảnh mà tâm chẳng loạn, đó mới thật là định.

“Các vị thiện tri thức! Lìa khỏi tướng, tức là thiên. Trong tâm chẳng loạn tức là định. Ngoài thiên, trong định, đó là thiên định. Kinh Bồ tát Giới nói: “Bản tánh của ta vốn tự thanh tịnh.”

“Các vị thiện tri thức! Trong mọi niệm tướng tự thấy bản tánh thanh tịnh. Tự mình tu hành, tự mình thành Phật đạo.”

PHẨM THỨ SÁU SÁM HỐI

Lúc ấy, đại sư thấy các vị nhân sĩ, dân chúng Quảng Châu, Thiều Châu và tất cả bốn phương đều tụ hội về để nghe pháp. Ngài bèn lên toà, nói với mọi người rằng: “Hãy đến đây,” Các vị thiện tri thức! Điều ta thuyết đây cần phải từ trong tự tánh khởi lên. Luôn luôn trong mỗi niệm tưởng, đều phải tịnh lấy tâm mình, tự mình tu hành, tự thấy pháp thân mình, thấy Phật ở tự tâm; tự cứu lấy mình, răn giữ lấy mình mới được, chẳng cần phải đến đây. Nhưng đã từng phương xa đến, đóng hội nơi đây, đều là có duyên. Vậy nay mọi người hãy quì xuống. Trước tiên, ta vì chư vị mà truyền cho năm phần hương pháp thân của tự tánh. Kế đó, sẽ truyền pháp Sám hối Vô tướng.”

Mọi người đều quì mọp. Sư nói: “Một là Giới hương. Trong tâm mình không chê bỏ, không ganh ghét, không tham giận, không cướp hại, gọi là Giới hương.

“Hai là Định hương. Nhìn thấy các cảnh lành dữ, tâm mình chẳng loạn, gọi là Định hương.

“Ba là Tuệ hương. Tự tâm không ngăn ngại, thường dùng trí tuệ quán xét tánh mình, không làm việc ác; tuy tu các việc lành, mà tâm không chấp trước; kính người trên, thương kẻ dưới, thương xót kẻ coi cút, nghèo khó, gọi là Tuệ hương.

“Bốn là Giải thoát hương. Tâm không vướng mắc, nương theo bất cứ điều gì; chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tự tại, không ngăn ngại, gọi là Giải thoát hương.

“Năm là Giải thoát tri kiến hương. Tâm đã không vướng mắc, chạy theo những điều lành, điều dữ, cũng không thể chìm vào chỗ trống không chấp lấy sự vắng lặng, nghĩa là nên học rộng, nghe nhiều, tự biết rõ bản tâm, đạt tới lý lẽ của chư Phật; lấy sự hoà đồng mà tiếp cận cùng muôn vật, không vướng mắc chuyện có mình, có người; thẳng đạt Bồ-đề, chân tánh vẫn không đổi, gọi là giải thoát tri kiến hương.

“Các vị thiện tri thức! Những thứ hương ấy đều toả lên tự trong tâm mình, đừng tìm kiếm ở ngoài.

“Bây giờ ta sẽ cùng chư vị thọ phép Sám hối Vô tướng, diệt hết tội ba đời, khiến cho ba nghiệp đều thanh tịnh.

“Các vị thiện tri thức! Chư vị hãy cùng lập lại theo như lời ta:

“Đệ tử chúng con, từ bao niệm trước, đến niệm bây giờ, cho đến những niệm về sau, mỗi niệm chẳng bị ngu mê làm ô nhiễm. Từ trước

đến nay, những tội ác do ngu mê thấy đều xin sám hối, nguyện đồng thời diệt hết, mãi mãi chẳng còn khởi lại nữa.

“Đệ tử chúng con, từ bao niệm trước, đến niệm bây giờ, cho đến những niệm về sau, mỗi niệm chẳng bị kiêu căng, dối trá làm ô nhiễm. Từ trước đến nay, những tội ác do kiêu căng, dối trá thấy đều xin sám hối, nguyện đồng thời diệt hết, mãi mãi chẳng còn khởi lại nữa.

“Đệ tử chúng con, từ bao niệm trước, đến niệm bây giờ, cho đến những niệm về sau, mỗi niệm chẳng bị sự ganh ghét làm ô nhiễm. Từ trước đến nay, những tội ác do ganh ghét thấy đều xin sám hối, nguyện đồng thời diệt hết, mãi mãi chẳng còn khởi lại nữa.

“Các vị thiện tri thức! Trên đây là phép Sám hối Vô tướng. Sao gọi là sám? Sao gọi là hối? Sám là ăn năn những lỗi đã qua. Từ trước, có những tội ác do ngu mê, kiêu căng, dối trá, ganh ghét, thấy đều ăn năn hết, mãi mãi về sau chẳng còn khởi ra nữa; đó gọi là sám. Hối là tự ngăn ngừa những lỗi về sau của mình. Từ nay về sau, có những tội ác do ngu mê, kiêu căng, dối trá, ganh ghét nay đã giác ngộ, tất nhiên vĩnh viễn dứt hết, chẳng mắc phải nữa; đó gọi là hối. Vì thế cho nên gọi là sám hối. Kẻ phạm phu ngu mê chỉ biết ăn năn những lỗi đã qua, mà chẳng biết ngăn ngừa những lỗi về sau. Bởi không biết hối, nên tội trước chẳng diệt, lỗi sau lại sanh. Tội trước đã chẳng diệt, lỗi sau lại tiếp sanh ra, làm sao gọi là sám hối?

“Các vị thiện tri thức? Nay đã sám hối rồi, ta sẽ cùng chư thiện tri thức phát khởi Bốn huệ nguyện rộng lớn. Chư vị hãy lắng tai, dùng tâm chân chánh mà nghe đây:

Vô biên chúng sanh nơi tự tâm, thệ nguyện cứu độ.

Vô biên phiền não nơi tự tâm, thệ nguyện dứt bỏ.

Vô tận pháp môn trong tự tánh, thệ nguyện học hỏi.

Phật đạo vô thượng trong tự tánh, thệ nguyện tu thành.

“Các vị thiện tri thức! Mọi người ai cũng nói: vô biên chúng sanh thệ nguyện cứu độ. Nhưng ấy ai biết được nghĩa: thật chẳng phải Huệ Năng này độ.”

“Các vị thiện tri thức! Chúng sanh ở trong tâm, ấy là: tâm tà mê, tâm cuống vọng, tâm bất thiện, tâm ganh ghét, tâm ác độc. Những tâm niệm như thế, đều là chúng sanh. Mọi người nên từ tự tánh tự độ lấy mình. Đó gọi là cứu độ chân thật. Sao gọi là từ tự tánh tự độ lấy mình? Tự trong tâm mình có những chúng sanh tà kiến, phiền não, ngu si, hãy dùng chánh kiến mà cứu độ. Có chánh kiến rồi, liền dùng trí Bát-nhã chống phá chúng sanh ngu si, mê vọng. Cứ như vậy mà ai ai cũng đều

tự độ lấy mình. Với tà vạy, dùng chân chánh mà độ, với mê muội, dùng giác ngộ độ, với ngu si, dùng trí tuệ độ; với ác độc, dùng tâm thiện độ. Cứu độ được như vậy, gọi là cứu độ chân thật.

“Vô biên phiền não thệ nguyện dứt bỏ, nghĩa là dùng trí Bát-nhã nơi tự tánh phá trừ đi tâm đối trá hư vọng.

“Vô tận pháp môn thệ nguyện học hỏi, là nên tự mình thấy tánh, thường hành chánh pháp, đó gọi là học hỏi chân chánh.

“Phật đạo vô thượng thệ nguyện tu hành, là thường hay nhún nhường, làm theo lẽ chân chánh, lìa mê lìa giác, thường sanh Bát-nhã, trừ chân trừ vọng, liền thấy tánh Phật. Vừa được nghe qua liền thành Phật đạo, tâm thường nghĩ việc tu hành, chính là pháp nguyện lực.

“Các vị thiện tri thức! Nay đã phát Bốn nguyện rộng lớn rồi, ta cùng chư vị thọ Ba giới quy y vô tướng.

“Các vị thiện tri thức! Quy y với giác ngộ là bậc phước huệ đầy đủ; Quy y với chân chánh là bậc lìa xa các dục, Quy y với thanh tịnh là bậc cao quý trong chúng hội. Từ nay nhận giác ngộ là thầy, chẳng còn quy y theo tà ma, ngoại đạo. Cầu Tam Bảo trong tự tánh mình thường chứng minh. Nay khuyên các vị thiện tri thức quy y với Tam Bảo trong tự tánh mình: giác ngộ, đó là Phật; chân chánh, đó là Pháp; thanh tịnh, đó là Tăng.

“Tự tâm quy y giác ngộ, tà mê chẳng sanh, ít ham muốn, biết đủ, có thể lìa bỏ của cải, nhan sắc, gọi là Lương túc Tôn.

“Tự tâm quy y chân chánh, mỗi niệm chẳng có tà kiến, chẳng có tà kiến, nên chẳng chấp việc có ta, có người, không cống cao, tham ái, chấp trước, gọi là Ly dục Tôn.

“Tự tâm quy y thanh tịnh, tự tánh chẳng ô nhiễm nơi hết thảy các cảnh trần lao, ái dục, gọi là Chúng trung Tôn.

“Nếu tu hạnh này là tự quy y chính mình, kẻ phàm phu chẳng hiểu, ngày đêm thọ giới Tam Quy. Nếu nói Quy y Phật, hỏi Phật ở đâu? Nếu chẳng thấy Phật, thì nương vào đâu mà quy? Nói vậy thành ra hư vọng.

“Các vị thiện tri thức! Mọi người nên sự suy xét, đừng dụng tâm sai lầm. Trong kinh nói rõ là “Tự quy y Phật”, chẳng nói “Quy y với Phật khác”. Phật nơi tự tâm mà chẳng quy y, không còn có chỗ nào khác mà nương dựa.

Nay đã tự tỉnh ngộ, mọi người nên quy y với Tam Bảo nơi tự tâm mình. Trong thì điều phục tâm tánh, ngoài thì kính trọng người khác, đó chính là tự quy y.

“Các vị thiện tri thức! Đã quy y với tự tâm Tam Bảo rồi, mọi người hãy chí tâm, ta sẽ giảng giải về một thể ba thân của tự tánh Phật, khiến cho chư vị đều được thấy ba thân, tự mình tỏ rõ tự tánh. Mọi người hãy lập lại theo như lời ta:

“Với thân xác thịt này, xin quy y với Thanh tịnh Pháp thân Phật.

“Với thân xác thịt này, xin quy y với Viên mãn Báo thân Phật.

“Các vị thiện tri thức! Thân xác thịt này là nhà trọ, chẳng thể nói là quy y nó được. Ba thân Phật, tự trong tự tánh, ai ai cũng sẵn có. Chỉ vì tâm mê, chẳng thấy tự tánh bên trong, mãi tìm cầu Ba thân Phật ở ngoài, chẳng thấy tự mình có Ba thân Phật. Mọi người hãy lắng nghe ta sẽ giúp cho ai nấy tự trong thân mình thấy được tự tánh có Ba thân Phật. Ba thân Phật ấy từ nơi tự tánh sanh, chẳng phải từ bên ngoài mà có được.

“Sao gọi là Thanh tịnh Pháp thân Phật? Người đời tánh vốn thanh tịnh, muôn pháp đều do nơi tự tánh sanh. Tâm nghĩ các điều ác, liền sanh ra hạnh ác; tâm nghĩ các việc lành, liền sanh ra hạnh lành. Như vậy, các pháp đều ở trong tự tánh. Như bầu trời trong, mặt trời mặt trăng thường sáng, có đám mây che phủ thành ra trên sáng dưới tối. Bỗng gặp gió thổi tan mây, trên dưới đều sáng, muôn cảnh hiện ra. ngoài đời tánh thường trôi nổi, cũng giống như đám mây trên trời đó vậy.

“Các vị thiện tri thức! Trí như mặt trời, tuệ như mặt trăng. Trí tuệ thường sáng suốt, do vướng mắc nơi ngoại cảnh mà bị đám mây vọng niệm lấp che tự tánh, nên chẳng được sáng suốt. Nếu gặp được bậc thiện tri thức, nghe pháp chân chánh, trừ đều mê vọng nơi mình, thì trong ngoài sáng suốt, trong tự tánh muôn pháp đều hiện ra. người ấy tánh lại cũng như vậy. Đó gọi là Thanh tịnh Pháp thân Phật.

“Các vị thiện tri thức! Tự tâm quy y với tự tánh, ấy là quy y với đức Phật chân thật. Người tự quy y thì trừ dứt đi những tâm bất thiện, ganh ghét, tà vạy, chấp ngã, dối trá, khinh người, ngạo mạn, tà kiến, cống cao, và hết thảy những hạnh chẳng lành trong mọi lúc. Thường tự thấy lỗi mình, chẳng nói điều tốt xấu của kẻ khác. Như vậy gọi là tự quy y. thường nên nhún nhường, cung kính hết thảy, tức nhiên thấy tánh thông đạt, không còn ngăn ngại. Như vậy gọi là tự quy y.

“Sao gọi là Viên mãn Báo thân? Ví như một ngọn đèn, trừ được sự tối ngàn năm, một niệm trí khởi diệt được sự ngu muội muôn năm. Đừng nghĩ tới lỗi lầm đã qua, vì chẳng thay đổi được. Thường nghĩ việc sắp đến, mỗi niệm tưởng đều tròn đầy, sáng rõ, tự thấy bản tánh, Thiện, ác tuy khác, bản tánh vốn không phân biệt. Tánh không phân

biệt ấy gọi là thật tánh. Từ trong thật tánh, chẳng đả nhiễm các việc thiện ác. Đó gọi là Viên mãn Báo thân Phật. Tự tánh khởi một niệm thiện ác, diệt mất nhân duyên lành muôn kiếp. Tự tánh khởi một niệm thiện, dứt được việc ác nhiều như cát sông Hằng, thẳng đến quả Vô thượng Bồ-đề. Trong mỗi niệm tưởng đều tự thấy biết, chẳng mất đi bản niệm, gọi là Báo thân.

“Sao gọi là Thiên bá ức Hoá thân? Nếu chẳng nghĩ đến muôn pháp, tánh vốn như không. Một niệm suy nghĩ gọi là biến hoá. Suy nghĩ việc ác, hoá ra địa ngục. Suy nghĩ việc thiện, hoá ra thiên đường. Tâm độc hại hoá ra rồng, rắn. Tâm từ bi hoá ra Bồ tát. Trí tuệ hoá ra thượng giới, ngu si hoá làm cõi dưới. Tự Tánh biến hoá rất nhiều, người mê chẳng thể biết được. Mỗi niệm sanh lòng ác, thường làm theo đường ác. Quay về một niệm lành, trí tuệ liền sanh ra. đó gọi là Tự tánh Hoá thân Phật.

“Các vị thiện tri thức! Pháp thân vốn tự đầy đủ. Lúc nào tự tánh cũng tự thấy biết, tức là Báo thân Phật. Từ nơi Báo thân khởi nên suy nghĩ, tức là Hoá thân Phật. Tự mình giác ngộ, tu công đức nơi tự tánh, ấy là quy y chân chánh. Da thịt này là sắc thân, sắc thân là nhà trọ, chẳng nói là quy y nơi đó được. Chỉ cần nhận rõ Ba thân nơi tự tánh, liền biết được Phật trong tự tánh.

“Ta có một bài tụng Vô tướng. Nếu trì tụng được có thể khiến cho tội mê trong nhiều kiếp đều diệt sạch.”

Tụng rằng:

*Người mê tu phước, chẳng tu đạo.
Tưởng rằng tu phước tức là Đạo.
Bố thí cúng dường, dẫu nhiều phước.
Trong tâm ba ác như trước tạo
Đem lòng tu phước muốn diệt tội,
Đời sau được phước vẫn còn tội,
Chỉ tự trong tâm trừ tội duyên,
Đều trong tự tánh thật sám hối.
Gặp pháp đại thừa chân sám hối,
Bỏ tà, làm chánh, liền dứt tội,
Học đạo thường xem nơi tự tánh,
Liền cùng chư Phật không sai khác.
Tổ ta chỉ truyền pháp thẳng tắt,
Nguyện khắp thấy tánh đồng một thể,
Nếu muốn về sau tìm pháp thân,*

*Lìa các pháp tướng, tâm trong sạch.
Gắng sức tự thấy, chớ núng nao,
Chỉ một niệm dứt, mạng còn đâu?
Nếu ngộ đại thừa, được thấy tánh,
Chấp tay cung kính chí tâm cầu!*

Sư nói: “Các vị thiện tri thức! Mọi người nên trì tụng, theo đó mà tu hành. Nghe qua rồi thấy tánh, thì dù cách ta ngàn dặm, cũng như thường ở bên ta! Còn nếu nghe rồi mà chẳng tỉnh ra, thì dù đối mặt nhau cũng như ngoài ngàn dặm. Đâu cần lận lộ từ xa đến đây? Thôi nên trân trọng mà giải tán.”

Đại chúng nghe Pháp, ai ai cũng tỏ ngộ, vui mừng kính cẩn làm theo.

PHẨM THỨ BẢY CƠ DUYÊN

Từ khi Sư đắc pháp tại Hoàng Mai, đến sau về thôn Tào Hầu nơi Thiều Châu, không ai hay biết. Khi ấy, có người nho sĩ là Lưu Chí Lược lấy lễ nghi mà đả ngộ rất hậu. Chí Lược có người cô xuất gia, tên Vô Tận Tạng, thường tụng kinh đại Niết bàn. Sư nghe qua, liền biết nghĩa mầu nhiệm, bèn giải thuyết cho nghe. Vị ni sư này mới cầm quyển kinh mà hỏi chữ.

Sư nói: “Chữ thì không biết, nhưng nghĩa xin cứ hỏi.”

Ni sư nói: “Chữ còn chẳng biết, sao hiểu được nghĩa?”

Sư nói: “Lý mầu nhiệm của chư Phật chẳng quan hệ với văn tự.”

Ni sư lấy làm lạ lắm, mới nói các vị kỳ đức trong thôn rằng: “Ấy quả là bậc có đạo, nên thỉnh mà cúng dường.”

Có người cháu năm đời của Ngụy Võ Hầu là Tào Thúc Lương cùng với cư dân nhau đến lễ bái. Khi ấy, ngôi chùa cổ Bảo Lâm vì nạn binh lửa từ cuối đời Tuỳ đã hư đổ, người ta bèn cất lại trên nền cũ ngôi chùa mới, thỉnh sư ở đó, không bao lâu thành một ngôi chùa lớn. Sư ở đó được hơn chín tháng, lại bị đảng hung ác tìm đến. Sư mới lánh vào vùng núi phía trước. Bọn ác đảng liền phóng hỏa đốt cỏ cây, Sư ẩn mình trong một hòn đá mà thoát nạn. Hòn đá đó ngày nay còn có dấu gổi ngồi kiết già lóm vào và những lằn áo vải của Sư. Nhân đó gọi là Tỵ nạn thạch. Sư nhớ lại lời dặn xưa của Ngũ Tổ, bèn đến ẩn ở hai nơi ấy.

Có vị tăng hiệu Pháp Hải, người Khúc Giang Thiều Châu, lần đầu tham bái Tổ Sư, hỏi rằng: “Thế nào là nghĩa Tức tâm tức Phật? Xin ngài chỉ dạy.”

Sư đáp: “Niệm trước chẳng sanh là tâm niệm sau chẳng diệt là Phật.” Thành tựu hết thấy các tướng tức là tâm, lìa hết thấy các tướng tức là Phật. Nếu nói ra cho đủ, trọn kiếp cũng không hết được. Hãy nghe bài kệ này:

*Tức Tâm là tuệ,
Tức Phật ấy định,
Định, Tuệ cùng trì
Ý định thanh tịnh
Ngộ Pháp môn này
Do tập tánh người
Dụng vốn không sanh
Song tu là đúng.*

Pháp Hải nghe xong tỉnh ngộ, đọc kệ khen rằng:

*Tức tâm nguyện là Phật
Chẳng ngộ mà tự khuất
Hiểu ra nhờ định tuệ,
Song tu là muôn vật.*

Pháp Đạt, người Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia, thường tụng kinh Pháp Hoa. Khi đến lễ Tổ Sư, đầu chẳng sát đất. Tổ quở rằng: “Làm lễ mà đầu không sát đất, chi bằng đừng lễ. Trong tâm người hẳn có điều gì chất chứa, nói ra xem?”

Thưa rằng: “Tôi niệm kinh Pháp Hoa đã tới ba ngàn bộ.”

Sư nói: “Nếu nhà người tụng đến muôn bộ, hiểu được ý kinh, nhưng chẳng cho đó là hơn người, thì cùng đi một đường với ta. Nay nhà người ỷ vào việc tụng kinh, nên chẳng biết lỗi. Hãy nghe kệ đây:

*Lẽ vốn diệt kiêu mạn,
Sao đầu chẳng sát đất?
Chấp ngã, tội liền sanh,
Quên công, phước cao ngất.”*

Sư lại hỏi: “Người tên chi?” Thưa: “Pháp Đạt.” Sư nói: “Người tên Pháp Đạt, đã đạt pháp bao giờ?” Ngài liền thuyết kệ rằng:

*Người nay tên Pháp Đạt,
Siêng tụng chưa ngừng nghỉ,
Chỉ theo âm thanh tụng,
Tâm sáng mới Bồ tát.
Người nay thật có duyên,
Ta vì người giảng thuyết:
Chỉ tin Phật không nói,
Hoa sen từ miệng nở.*

Pháp Đạt nghe kệ, hối lỗi mà tạ rằng: “Từ nay về sau xin khiêm cung với tất cả. Đệ tử này tụng kinh Pháp Hoa, chưa hiểu nghĩa kinh, lòng thường có chỗ nghi. Hoà thượng trí tuệ quảng đại, xin lược thuyết ý nghĩa trong kinh.”

Sư nói: “Pháp Đạt! Pháp tự nhiên thông đạt, chỉ tâm người chẳng đạt. Kinh vốn không nghi, tâm người tự nghi. Người niệm kinh này, lấy chi làm tông?”

Pháp Đạt thưa: “Đệ tử này căn tánh tối tăm ngu dốt, xưa nay chỉ cứ y theo văn mà tụng, đâu biết được tông thú của kinh.”

Sư nói: “Ta không biết chữ, người cứ theo kinh tụng qua một lần, ta sẽ giảng giải cho nghe.”

Pháp Đạt lớn tiếng niệm kinh, đến phẩm Thí Dụ.

Sư bảo: “Thôi kinh này nguyên lai lấy nhân duyên xuất thế làm công. Dù thuyết bao nhiêu thí dụ, cũng không ra ngoài lẽ ấy.

“Thế nào là nhân duyên? Kinh nói: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì nhân duyên một việc lớn mà xuất hiện ở đời.”

Một việc lớn, đó là tri kiến Phật vậy. Người đời mê chấp mắc nơi tướng, trong mê chấp mắc lẽ không. Nếu có thể ở nơi tướng lia được tướng, ở nơi không lia được không, tức là trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ pháp ấy, một niệm tâm liền khai mở. Đó là khai ngộ tri kiến Phật.

“Phật nghĩa là giác. Phân ra bốn môn: Khai mở tri kiến giác, chỉ rõ tri kiến giác, nhận ra tri kiến giác, và nhập vào tri kiến giác. Nếu nghe lời khai mở, chỉ rõ, liền được nhận ra, nhập vào, chính là tri kiến giác, chân tánh xưa nay liền được xuất hiện. Người phải cẩn thận đừng hiểu sai ý kinh: Nghe giảng những cách khai mở, chỉ rõ, nhận ra, nhập vào mà cho đó chỉ là tri kiến của Phật, còn mình không có phần.

“Nếu hiểu như vậy, tức là báng bỏ kinh, chê bai Phật. Nếu đã là Phật, có đủ tri kiến, cần gì khai mở? Người nên tin tri kiến Phật chỉ là tự tâm người, không có Phật nào khác nữa. Chỉ vì hết thấy chúng sanh tự mình che khuất sự quang minh, tham đắm cảnh trần, gặp duyên bên ngoài thì trong tâm rối loạn, cam chịu sự xô đẩy trôi lăn, mới phải nhọc công đức Thế Tôn từ chánh định khởi lên, dùng không biết bao nhiêu phương tiện dẫn dụ giải thuyết mà khuyên bảo cho tự lắng dịu đi. Chỉ thôi cầu tìm ở bên ngoài là đồng với Phật. Cho nên nói: khai mở tri kiến Phật. Ta cũng khuyên hết thấy mọi người, tự trong tâm mình thường khai mở tri kiến Phật.

“Người đời tâm tà, ngu mê tạo tội. Miệng lành, tâm dữ, tham giận, ganh ghét, tà vạy, cao ngạo, hại người tổn vật, tự khai mở tri kiến chúng sanh. Nếu biết chánh tâm, thường sanh trí tuệ, quán xét tự tâm, thôi việc ác, làm việc lành, ấy là tự mình khai mở tri kiến Phật. Người nên mỗi niệm thường khai mở tri kiến Phật, đừng khai mở tri kiến chúng sanh. Khai mở tri kiến Phật tức là xuất thế. Khai mở tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu người chỉ khổ công theo việc niệm kinh, lấy riêng đó làm chỗ công phu, có khác chi con bò đen quý cái đuôi mình?”

Pháp Đạt thưa: “Nếu vậy thì chỉ cần hiểu nghĩa, chẳng cần tụng kinh sao?”

Sư nói: “Kinh có lỗi gì mà ngăn cản người niệm? Chỉ vì mê hay ngộ, lợi hay hại cũng do nơi người. Miệng tụng tâm thực hành, tức chuyển được kinh. Miệng tụng tâm chẳng thực hành, tức là bị kinh

chuyển. Hãy nghe bài kệ này:

*Tâm mê, Pháp Hoa chuyển,
Tâm ngộ, chuyển Pháp Hoa
Tụng kinh lâu chẳng rõ
Với nghĩa thành oan gia
Không niệm, niệm là chánh,
Có niệm, niệm thành tà.
Có, không đều quên sạch,
Bò trắng cỡi chơi xa.*

Pháp Đạt nghe kệ, bất giác ứa lệ, đại ngộ, bạch với Sư rằng: “Pháp Đạt này từ trước đến nay thật chưa từng chuyển được kinh Pháp Hoa, chỉ bị kinh Pháp Hoa chuyển.”

Lại hỏi rằng: “Trong kinh nói. Các vị đại Thanh văn cho đến chư vị Bồ tát, đều có tận lực cùng nhau suy nghĩ, cũng chẳng đo lường nổi trí tuệ của Phật. Nay dạy cho phàm phu chỉ cần tỉnh ngộ tự tâm, liền gọi là tri kiến Phật, tự mình chẳng phải bậc thượng căn, sợ chưa khỏi tội hoài nghi, báng bỏ? Lại nữa, trong kinh nói đến ba thứ xe: xe dê, xe nai, xe trâu, với xe bò trắng phân biệt khác nhau thế nào? Xin Hoà thượng chỉ dạy thêm cho.”

Sư dạy rằng: “Ý kinh vẫn rõ, chỉ tự người mê cho nên trái đi. Người trong ba thừa chẳng lường được Phật trí. Là do nơi trí đo lường vậy. Cho dù có tận lực cùng nhau mà suy lường, lại chỉ càng thêm xa cách. Phật vốn vì phàm phu mà thuyết, chẳng phải vì Phật mà thuyết. Lẽ ấy nếu ai chẳng tin được, thì đánh theo kẻ khác mà thối lui. Không tự biết mình đang ngồi trên xe bò trắng, lại ra ngoài cửa tìm kiếm ba thứ xe khác! Huống chi trong kinh nói rõ với người rằng: Chỉ có một Phật thừa, chớ không có thừa nào khác. Nếu nói hai thừa, ba thừa, cho đến vô số phương tiện, nhân duyên, thí dụ cũng đều là vì có một Phật thừa. Sao nhà người chẳng suy xét? Ba loại xe là giả tạm, vì chuyện thưở xưa. Nhất thừa là chân thật, vì chuyện bây giờ. Chỉ dạy người bỏ vật giả tạm, quay về chân thật. Về chân thật rồi, chân thật cũng không có tên.

“Phải biết rằng những cửa báu người có, đều thuộc về người, do người thọ dụng, chẳng tưởng là của cha, chẳng tưởng là của con, cũng chẳng tưởng đến việc sử dụng. Ấy gọi là trì kinh Pháp Hoa, kiếp này sang kiếp khác, tay chẳng rời kinh, ngày đêm không lúc nào chẳng niệm vậy.”

Pháp Đạt đội ơn khai ngộ, vui mừng khôn xiết, đọc kệ xưng tán rằng:

*Tụng ba ngàn bộ kinh,
Tào Khê một câu quên
Chưa rõ lẽ xuất thế
Qua bao kiếp mê cuồng
Dê, nai, trâu giả lập
Trước sau, khéo giải bày
Ai hay trong nhà lửa,
Vốn thật Pháp trung vương.*

Sư nói: “Từ nay có thể gọi người là vị tăng niệm kinh.”

Pháp Đạt từ đó lãnh được ý huyền diệu, nhưng cũng không thôi tụng kinh.

Có vị tăng hiệu Trí Thông, người huyện An Phong, Thọ Châu, trước xem kinh Lăng già có hơn ngàn lượt mà chẳng hiểu nghĩa Ba thân, Bốn trí đến lễ bái Sư cầu giải nghĩa.

Sư dạy rằng: “Một là thanh tịnh Pháp thân, tức là tánh của người. Hai là viên mãn Báo thân, tức là trí của người. Ba là Thiên bá ức Hoá thân, tức là hạnh của người. Nếu lìa bản tánh riêng thuyết Ba thân, tức là có thân mà không có trí. Nếu nhận được Ba thân không có tự tánh, tức là Bốn trí Bồ-đề. Hãy nghe bài kệ này:

*Tự tánh đủ Ba thân,
Phát minh thành Bốn trí.
Chẳng lìa duyên thấy nghe
Vượt lên quả vị Phật,
Nay ta vì người thuyết,
Khéo tin, dứt lòng mê,
Chớ học kẻ tìm cầu,
Suốt ngày luận Bồ-đề.*

Trí Thông lại hỏi: “Còn nghĩa Bốn trí có thể được nghe chăng?”

Sư dạy: “Đã hiểu Ba thân, tức rõ nghĩa Bốn trí, sao còn phải hỏi? Nếu lìa Ba thân riêng bàn Bốn trí, ấy gọi là có trí không thân. Cho dù có trí cũng thành vô trí.” Liền thuyết kệ rằng:

*Đại viên kính trí: tánh thanh tịnh
Bình đẳng tánh trí: tâm không bệnh.
Diệu quan sát trí: chẳng thấy công,
Thành sở tác trí: như gương tròn.
Năm, tám, sáu, bảy chuyển quả, nhân.
Chỉ là tên gọi, không tánh thật.
Nếu trong luân chuyển, tình chẳng vương,*

*Khởi từ phiền não, Na già định.
Trí Thông bưng ngộ tánh trí, trình kệ rằng:
Ba thân nguyên bản thể,
Bốn trí tâm sáng soi
Thân trí, không ngăn ngại,
Tuỳ vật hiện theo hình.
Khởi tu là vọng động
Chấp trụ chẳng phải chân,
Lý mâu nhờ Thầy dạy,
Quên sạch danh nhiễm ô.*

Có vị tăng hiệu Trí Thường, người huyện Quý Khê, Tín Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, lập chí cầu thấy tánh. Một ngày kia đến tham lễ, Sư hỏi: “Người từ đâu đến? Muốn cầu việc chi?” Đáp rằng: “Kẻ học đạo này gần đây qua Hồng Châu, đến núi Bạch Phong, lễ đại Thông Hoà thượng, mong được nghe giảng nghĩa thấy tánh thành Phật, nhưng vẫn chưa dứt lòng nghi. Nay lặn lội đường xa đến đây lễ bái, cúi xin Hoà thượng từ bi chỉ bảo.”

Sư hỏi: “Hoà thượng Đại Thông nói những gì, người thử nhắc ta nghe xem.”

Trí Thường thưa: “Đệ tử đến đó, trải qua ba tháng, chưa được chỉ dạy điều chi. Bởi quá thiết tha cầu pháp, nên đêm kia mới một mình vào phương trượng, thưa hỏi rằng: “Thế nào là bản tâm, bản tánh của Trí Thường?” Sư Đại Thông hỏi lại: “Người có thấy hư không hay chẳng?” Đáp rằng: “Có thấy” Sư hỏi: “Người thấy hư không có tướng mạo gì chẳng?” Thưa rằng: “Hư không không có hình dạng, sao có tướng mạo?” Sư nói: “Bản tánh của người cũng như hư không vậy, thấy không một vật gì có thể thấy, gọi là chánh kiến, không một vật gì có thể nhận biết, gọi là chân trí. Không có xanh vàng, dài ngắn, chỉ thấy gốc nguồn trong sạch, thể giác tròn sáng, gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là tri kiến Như Lai; kẻ học đạo này tuy nghe giảng vậy, vẫn còn chưa rõ hết. Xin Hoà thượng chỉ bảo cho.”

Sư nói: “Hoà thượng ấy thuyết vẫn còn giữ lấy chỗ thấy biết, cho nên khiến người chưa hiểu. Nay ta cho người bài kệ này:

*Chẳng pháp nào thấy, còn không thấy,
Như mây u ám che mặt trời,
Chẳng pháp nào biết, giữ không biết
Lại như tia chớp sanh lưng trời.
Chỗ thấy biết ấy, bỗng dưng hiện,*

*Nhận làm rồi, phương tiện hiểu đâu?
 Người nên mỗi niệm, tự biết quấy,
 Tự thân linh quang thường chiếu rọi.
 Trí thường nghe kệ, tâm ý sáng rõ, thuật kệ rằng:
 Không đứng khởi thấy biết,
 Cháp tướng cầu Bồ-đề
 Còn giữ một niệm ngộ
 Chưa vượt nhiều kiếp mê
 Tự tánh giác nguyên thể,
 Ứng hiện uống trôi lăn.
 Chẳng vào thất Tổ Sư,
 Ngu mê theo hai đầu.*

Một ngày kia, Trí Thường hỏi Sư rằng: “Phật thuyết Ba thừa, lại nói Tối thượng thừa. Đệ tử này chưa hiểu, xin Thầy dạy cho.”

Sư nói: “Người tự quán xét bản tâm, đừng vướng mắc pháp tướng bên ngoài. Pháp không có bốn thừa, chỉ tâm người tự có sai biệt: thấy nghe, chuyển tụng, ấy là bậc Tiểu thừa. Ngộ pháp, hiểu nghĩa, ấy là bậc Trung thừa. Y pháp tu hành, ấy là bậc Đại thừa. Muôn pháp đều thông hết, muôn pháp đủ cả, đối với hết thấy đều chẳng đắm nhiễm, lia các pháp tướng, không có chỗ sở đắc, gọi là Tối thượng thừa. Thừa là nghĩa thực hành, chẳng phải tranh biện ở miệng. Người nên tự tu hành, đừng hỏi ta vậy. Bất cứ lúc nào tự tánh vẫn tự như như.”

Trí Thường lễ tạ, theo hầu Sư đến trọn đời.

Có vị tăng hiệu Trí Đạo, người huyện Nam Hải, Quảng Châu, thưa hỏi rằng: “Kẻ học đạo này từ khi xuất gia, xem Kinh Niết bàn có hơn mười năm nhưng chưa rõ đại ý. Xin Hoà thượng dạy cho.”

Sư hỏi: “Người chưa rõ chỗ nào?” Chí Đạo thưa: “Các hành vô thường, là pháp sanh diệt. Sanh diệt diệt rồi tịch diệt là vui. Đệ tử còn nghi hoặc chỗ ấy.”

Sư hỏi: “Người nghi hoặc thế nào?” Thưa rằng: “Chúng sanh đều có hai thân: Sắc thân và pháp thân. Sắc thân là vô thường, có sanh, có diệt. Pháp thân là thường: không tri, không giác. Trong kinh nói rằng: Sanh diệt, diệt rồi tịch diệt là vui. Chẳng rõ thân nào là tịch diệt? Thân nào hưởng vui? Nếu là sắc thân,thời lúc sắc thân diệt đi, tứ đại phân tán, toàn là khổ cả. Khổ, chẳng thể nói là vui. Nếu là pháp thân tịch diệt, liền đồng với cỏ cây, gạch đá, vậy cái gì sẽ hưởng sự vui? Lại nữa, Pháp tánh là thể của sanh diệt, năm uẩn là dụng của sanh diệt. Một thể, năm dụng sanh diệt là thường. Sanh tức do thể khởi dụng, diệt tức tiêu

dụng về thể. Nếu cho nó sanh, tức là loài hữu tình, chẳng đoạn, chẳng diệt. Nếu chẳng cho nó sanh tức theo về tịch diệt, đồng với loài vô tình. Như vậy, hết thấy các pháp đều bị Niết bàn ngăn chặn, còn chẳng đặng sanh, có vui gì đâu?

Sư nói: “Người là con nhà họ Thích, sao tập lấy cái tà kiến đoạn, thường của ngoại đạo mà bàn Pháp Tối thượng thừa?”

“Cứ như thuyết của người, tức là ngoài sắc thân, riêng có pháp thân, rời khỏi sanh diệt, cầu nơi tịch diệt. Lại suy rằng cảnh Niết bàn là thường tồn và vui, nên nói có thân thọ dụng. Đó tức là bám lấy cái ý tham tiết chuyện sống chết, say đắm cuộc vui ở đời. Nay người nên biết rằng: Phật vì hết thấy người mê nhận năm uẩn hoà hiệp làm tướng tự thể, phân biệt hết thể các pháp làm tướng ngoại trần, tham sống sợ chết, niệm niệm trôi lăn, chẳng biết vốn là mộng huyễn hư dối, uổng chịu kiếp luân hồi, lấy cảnh Niết bàn thường, vui hoá làm tướng khổ suốt ngày rong ruổi tìm kiếm. Vì Phật thương những chúng sanh ấy mới chỉ ra cho cảnh vui chân thật của Niết bàn không một sát na nào có tướng sanh, không một sát na nào có tướng diệt, lại cũng không có sự sanh diệt có thể diệt ấy. Ấy là cảnh tịch diệt hiện tiền. Đương lúc hiện ra nơi hiện tiền, cũng không có cái hạn lượng nơi hiện tiền, mới gọi là cảnh thường, vui. Cảnh vui ấy không có người thọ lấy, cũng không có ai không thọ cả, làm sao lại có tên gọi là một thể năng dụng? Huống chi lại nói rằng Niết bàn ngăn chặn các pháp khiến cho mãi mãi chẳng sanh? Đó tức là báng bỏ Phật, chê bai Pháp. Hãy nghe bài kệ này:

*Đại Niết bàn trên hết,
Tròn sáng thường lặng chiếu.
Phàm ngu cho là chết
Ngoại đạo chấp dứt đoạn.
Những người cầu Nhị thừa,
Cho là không tạo tác.
Thấy đều thuộc tình si.
Hốc ở sáu hai kiến
Hư vọng giá lập tên,
Nào có nghĩa chân thật?
Chỉ có người cao vượt,
Thông đạt chẳng thấy bỏ.
Rõ biết pháp ngũ uẩn, Với
thân ta trong đó, Ngoài
hiện bao sắc tượng,*

Mỗi mỗi tướng âm thanh.
 Bình đẳng như mộng huyễn.
 Chẳng khởi thấy thánh phàm.
 Không luận giải Niết bàn,
 Hai bên, ba thuở dứt.
 Thường ứng dụng các căn,
 Nhưng chẳng khởi dụng tướng,
 Phân biệt hết thấy pháp,
 Chẳng khởi phân biệt tướng,
 Kiếp hoả thiêu đáy biển,
 Gió chuyển núi đổ non.
 Chân thường, vui, tịch diệt,
 Niết bàn tướng vẫn vậy.
 Nay ta gượng giải thuyết,
 Khiến người bỏ tà kiến,
 Chớ chạy theo lời nói,
 May biết được đôi chút.

Chí Đạo nghe rồi đại ngộ, vui mừng làm lễ lui ra.

Hành Tư Thiền sư, họ Lưu, người huyện An Thành, Cát Châu, nghe danh Tào Khê giới pháp thanh hoá, đi đường tắt đến tham lễ, hỏi rằng: “Nên làm việc gì để không rơi vào giai cấp?”

Sư hỏi: “Xưa nay người đã từng làm gì?”

Thưa rằng: “Thánh đế cũng chẳng làm.”

Sư hỏi: “Vậy thì rơi vào giai cấp nào?”

Thưa rằng: “Đến như Thánh đế còn chẳng làm, làm sao có giai cấp?”

Sư rất trân trọng, bảo Hành Tư: “Người nên đi giảng hoá ở một phương, chớ để đoạn tuyệt.”

Hành Tư đã đắc pháp, bèn về núi Thanh Nguyên nơi Cát Châu, mở rộng Phật pháp, nối bề giáo hoá. Sau được vua ban thụy hiệu là Hoàng Tế Thiền sư.

Hoài Nhượng Thiền sư, họ Đỗ, người Kim Châu. Thoạt tiên ra mắt An Quốc sư tại Tung Sơn. Quốc sư sai tới Tào Khê tham lễ học hỏi học hỏi. Hoài Nhượng liền đến lễ bái.

Sư hỏi rằng: “Từ đâu đến đây?”

Thưa rằng: “Từ Tung Sơn đến.”

Sư hỏi: “Mang vật gì đến đó?”

Đáp: “Nói tợ như một vật tức là chẳng trúng rồi.”

Sư hỏi: “Vậy có thể tu chứng chẳng?”

Đáp: “Tu chứng tức chẳng không, ô nhiễm tức chẳng được.”

Sư nói: “Chỉ một điều chẳng ô nhiễm ấy, là chỗ chư Phật hộ niệm. Người đã như vậy, ta cũng như vậy. Ngài Bát-nhã Ba la bên Tây Thiên có lời đoán trước rằng: “Dưới chân người nhả ra con ngựa con, đá giết người trong thiên hạ. Lời ấy ứng ở tâm nhà người, chẳng nên vội nói.

Hoài Nhượng thoát nhiên có chỗ khế hợp, bèn giữ lễ hầu hạ bên Sư đến mười lăm năm, ngày càng đi sâu vào chỗ huyền diệu, thâm áo. Sau về Nam Nhạc mở rộng Thiền tông, được sắc phong thụ hiệu là Đại Huệ Thiền sư.

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác, họ Đái, người Ôn Châu. Thuở nhỏ, học tập kinh luận, tinh thông pháp môn. Chi quán của phái Thiên Thai. Nhân đọc kinh Duy ma, tâm địa bừng sáng. Tình cờ có đệ tử của Lục Tổ là Huyền Sách, cùng nhau đàm luận nhiều lẽ. Huyền Giác nói ra mọi điều đều ngầm hợp với ý Tổ. Huyền Sách mới hỏi: “Chẳng hay nhân giả đắc pháp với ai?”

Đáp rằng: “Tôi học theo kinh luận Phương đẳng, đều là có truyền thừa. Sau do nơi Kinh Duy ma ngộ được tông chỉ nơi tâm Phật, nhưng chưa có ai chứng minh.”

Huyền Sách nói: “Từ đời Phật Oai Âm Vương trở về trước thì được, còn từ đời Phật Oai Âm vương về sau, nếu không có thầy mà tự ngộ, hầu hết đều là ngoại đạo.”

Huyền Giác nói: “Nguyện nhân giả chứng minh cho tôi.”

Huyền Sách đáp: “Lời của tôi chẳng xứng đáng. Nay tại Tào Khê có Lục Tổ Đại sư, bốn phương đều nhóm về thọ Pháp. Nếu ngài muốn đi thì tôi sẽ cùng đi.”

Huyền Giác bèn theo Huyền Sách đến tham lễ. Đến nơi, đi quanh Sư ba vòng, chống cây tích trượng mà đứng.

Sư nói: “Phàm bậc sa môn phải đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh. Đại đức từ phương nào lại mà cao ngạo đến thế?”

Huyền Giác nói: “Sanh tử là việc lớn, vô thường mau chóng lắm.”

Sư nói: “Sao chẳng nhận lấy lý có sanh, hiểu chỗ không mau chóng?”

Đáp: “Thế tức vô sanh, hiểu vốn là không mau chóng.”

Sư nói: “Đúng vậy, đúng vậy.”

Huyền Giác bấy giờ mới chính đốn oai nghi mà lễ bái. Giây lát cáo từ.

Sư nói: “Về chóng thế sao?”

Thưa rằng: “Tự mình chẳng phải động, lại có mau chóng sao?”

Sư nói: “Ai biết chẳng phải động?”

Đáp: “Nhân giả tự sanh phân biệt.”

Sư nói: “Người thật hiểu sâu ý vô sanh.”

Thưa: “Vô sanh lại có ý sao?”

Sư nói: “Không có ý thì ai phân biệt?”

Thưa rằng: “Phân biệt cũng chẳng phải là ý.”

Sư nói: “Hay lắm thay!”

Sư Lưu Huyền Giác lại một đêm. Hồi ấy, người ta nhân đó mà gọi Huyền Giác là Nhất túc giác (một đêm giác ngộ). Sau Huyền Giác có viết Chứng đạo ca lưu hành rộng rãi trong đời. Thụy hiệu là Vô tướng Đại sư, người đương thời xưng là Chân Giác.

Thiền sư Trí Hoàng, trước tham lễ Ngũ Tổ, tự cho là mình đã được chánh thọ, ngồi luôn trong am đến hai mươi năm. Đệ tử của Lục Tổ là Huyền Sách đi du phương đến đất Hà Sóc, nghe danh Trí Hoàng, tìm đến am hỏi rằng: “Ngài ở đây làm gì?”

Trí Hoàng đáp: “Nhập định.”

Huyền Sách hỏi: “Ngài nói nhập định là hữu tâm mà nhập hay vô tâm mà nhập? Nếu mà vô tâm mà nhập, thì hết thấy những vật vô tình như cỏ cây, gạch đá, lẽ ra cũng được định. Còn nếu là hữu tâm mà nhập, thì hết thấy những loài hữu tình có tâm thức cũng đều được định.”

Trí Hoàng nói: “Ta đang lúc nhập định chẳng thấy có tâm hữu, vô.”

Huyền Sách nói: “Chẳng thấy có tâm hữu vô, đó là thường định, sao còn có xuất nhập? Nếu là xuất nhập, tức chẳng phải đại định.”

Trí Hoàng không đáp lại được. Hồi lâu mới hỏi rằng: “Thầy của người là ai?”

Huyền Sách đáp: “Thầy tôi là Lục Tổ ở Tào Khê.”

Trí Hoàng hỏi: “Lục Tổ lấy chi làm thiền định?”

Huyền Sách đáp: “Thầy tôi dạy chỗ mầu nhiệm, rộng rang, tròn đầy, vắng lặng, thể là dụng như như. Năm ấm vốn không, sáu trần chẳng có, chẳng xuất chẳng nhập, chẳng định chẳng loạn. Tánh thiền không trụ, lìa chỗ nơi thiền vắng lặng. Tánh thiền không sanh, lìa tư tưởng sanh nơi cõi thiền. Tâm như hư không, cũng không có cả cái hạn lượng của hư không.”

Trí Hoàng nghe thuyết vậy, liền theo đường tắt đến ra mắt Tổ Sư. Sư hỏi: “Nhân giả từ đâu đến đây?” Trí Hoàng thuật lại lời Huyền

Sách.

Sư nói: “Đúng như lời ấy. Người chỉ cần tâm như hư không, cũng chẳng mắc vào chỗ thấy cái không, ứng dụng không ngăn ngại, động tĩnh đều vô tâm, chỗ tinh tướng phạm thánh đều quên cả, năng sở đều mất, tánh tướng như như, thì không lúc nào là chẳng định.”

Trí Hoàng nghe xong đại ngộ, chỗ sở đắc của tâm trong hai mươi năm qua thật chẳng có ảnh hưởng gì. Đêm hôm ấy, sĩ thứ đất Hà Bắc nghe trên không trung có tiếng nói rằng: “Hôm nay, Hoàng Thiên sư đắc đạo.”

Sau đó Trí Hoàng làm lễ từ biệt, trở về Hà Bắc khai hoá bốn chúng.

Một vị tăng hỏi Sư rằng: “Ý chỉ của ngài Hoàng Mai người nào được?”

Sư đáp: “Người hiểu pháp Phật thì được.”

Vị tăng lại hỏi: “Hoà thượng có được chăng?”

Sư đáp: “Ta chẳng hiểu pháp Phật.”

Một ngày kia Sư muốn giặt tẩm y của Ngũ Tổ truyền cho mà không gặp chỗ nước suối trong. Nhân đến phía sau chùa chừng năm dặm, thấy núi rừng rậm rạp đẹp đẽ, khí lành bao quanh. Sư liền cầm tích trượng xuống đất, suối liền theo đó chảy ra, đọng lại thành ao, bên quì gối giặt y trên một hòn đá. Chợt có một vị tăng đến lễ bái nói rằng: “Phương Biện này là người Tây Tục. Trước ở miền Nam nước Thiên Trúc gặp Đạt ma Đại sư, bảo rằng: “Mau qua đất Đường, Chánh pháp nhân tạng của ngài Đại Ca diếp và tẩm y Tăng già lê do ta truyền, đã qua sáu đời, giờ đang ở Tào Khê nơi Thiều Châu. Người tới đó mà chiêm lễ, vậy nên Phương Biện từ xa đến đây, nguyện được thấy y bát Tổ truyền.”

Sư bèn lấy ra cho xem, rồi hỏi: “Thượng nhân chuyên nghề nghiệp gì?” Thưa rằng: “Khéo đắp tượng.”

Sư nghiêm sắc mặt, nói: “Người thử đắp tượng ta đây xem.”

Phương Biện không từ chối. Qua mấy hôm sau đắp xong chân tượng, cao chừng bảy tấc, khéo léo tuyệt xảo. Sư cười nói: “Người chỉ đắp được hình tượng, chẳng đắp chẳng đắp được tánh Phật.”

Sư đưa tay xoa đầu Phương Biện, nói rằng: “Mãi mãi là ruộng phước cho cõi người và cõi trời.” Sư nhân đó lấy một tẩm y mà đến công. Phương Biện nhận y chia làm ba phần: một phần đắp lên tượng, một phần để lại cho mình, một phần dùng cây gỗ tông bao lại, chôn xuống đất, lập lời thề rằng: “Về sau nếu có người được y này, chính là

ta lúc đó ra đời, trụ trì ở đây.”

Về sau, khi xây cất lại chùa vào năm Gia Hựu thứ tám đời nhà Tống, có vị tăng tên là Duy Tiên khi đào đất được mảnh y này, vẫn còn mới nguyên, liền mang về thờ nơi chùa Cao Tuyền, mỗi khi có cầu khẩn điều chi đều được linh ứng.

Có vị tăng đọc bài kệ của Thiền sư Ngọa Luân rằng:

*Ngọa Luân rất hay khéo,
Dứt được trăm tư tưởng,
Đối cảnh, tâm chẳng khởi,
Bồ-đề ngày thêm lớn.*

Sư nghe, dạy rằng: “Bài kệ ấy chưa rõ tâm địa, nếu y theo đó mà làm càng thêm trói buộc.” Nhân đó, Sư khai thị bằng bài kệ này:

*Huệ Năng chẳng hay khéo,
Chẳng dứt trăm tư tưởng,
Đối cảnh, tâm thường khởi,
Bồ-đề nuôi lớn gì?*

PHẨM THỨ TÁM PHÁP ĐỐN VÀ TIỆM

Bấy giờ, Tổ sư ở chùa Bảo Lâm nơi Tào Khê, Thần Tú đại sư ở chùa Ngọc Tuyên nơi Kinh Nam. Lúc ấy, hai tông đều thanh hoá. Người đời gọi là “Nam Năng, Bắc Tú”, cho nên có sự phân ra hai pháp Đốn và Tiệm của hai tông Nam Bắc, làm cho người đọc chẳng biết theo về đâu. Sư vì mọi người mà nói rằng:

“Pháp vốn chỉ một tông, người có Nam Bắc. Pháp tức là một loại, chỗ thấy biết có chậm mau. Sao gọi là Đốn, Tiệm? Pháp không có Đốn Tiệm, chỉ vì người ta có lanh lợi, chậm lụt khác nhau, cho nên gọi là Đốn Tiệm đó thôi.”

Nhưng môn đồ của Sư Thần Tú thường chê Tổ sư phía Nam rằng: Chẳng biết một chữ, có chi là giỏi?

Sư Thần Tú nói rằng: “Vị ấy được trí vô sư, ngộ sâu phép Thượng thừa, ta chẳng bằng được. Vả lại, thầy ta là Ngũ Tổ đích thân truyền pháp và y, nào phải vô cơ sao? Ta vẫn ân hận rằng chẳng thể vượt đường xa đến đó thân cận được với vị ấy, ở đây luống thọ ơn nước. Các người đừng trì trệ mãi ở đây, nên tới Tào Khê tham yết mà học hỏi.”

Ngày kia, sư Thần Tú bảo môn đồ là Chí Thành rằng: “Nhà người thông minh tài trí, nên vì ta đến Tào Khê nghe Pháp. Nếu nghe được điều chi, hết lòng nhớ lấy, trở về nói cho ta nghe.”

Chí Thành vâng lời đến Tào Khê, theo chúng tham học, nhưng chẳng nói là từ đâu đến. Khi ấy, Tổ Sư bảo chúng rằng: “Nay có kẻ trộm pháp lẫn trong Hội này.”

Chí Thành liền bước ra lễ bái, nói rõ chuyện mình.

Sư nói: “Người từ chùa Ngọc Tuyên đến đây để lén lút dò xét, phải không?” Đáp rằng: “Không phải.” Sư nói: “Sao không phải được?” Thưa rằng: “Chưa nói ra là phải, đã nói ra rồi nên không phải.”

Sư hỏi: “Thầy người dạy chúng thế nào?”

Đáp: “Thầy tôi thường dạy chúng rằng: Trụ tâm quán sự yên tĩnh, ngồi hoài chẳng nằm.”

Sư nói: “Trụ tâm quán sự yên tĩnh, đó là bệnh chứ chẳng phải thiền. Ngồi mãi là giam mình, theo lý có ích gì? Hãy nghe bài kệ này:

*Lúc sống ngồi chẳng nằm;
Chết đi nằm chẳng ngồi.
Một bộ xương hôi thối.
Sao lấy đó lập công?”*

Chí Thành lại làm lễ, thưa rằng: “Đệ tử này ở nơi đại sư Thần Tú, học đạo chín năm, chẳng được tỉnh ngộ. Nay vừa nghe Hoà thượng thuyết qua liền khế hợp bản tâm. Sanh tử là việc lớn, xin Hoà thượng đại từ bi chỉ dạy.”

Sư nói: “Ta nghe thầy người dạy pháp Giới Định Tuệ, chưa rõ thầy người giảng thuyết hạnh, tướng Giới Định Tuệ thế nào? Người tự nói ta xem.”

Chí Thành nói: “Đại sư Thần Tú nói: “Mọi điều dữ đừng khởi lên, gọi là Giới. Mọi điều lành vâng làm theo, gọi là Tuệ. Tịnh lấy ý của mình, gọi là Định. Chưa rõ ở đây Hoà thượng dùng pháp gì dạy người?”

Sư nói: “Nếu ta nói có pháp dạy người, hoá ra nói dối người. Chỉ tùy phương tiện mà mở trí, tạm gọi là Tam muội. Như nghĩa Giới Định Tuệ của thầy người thuyết, thật chẳng thể nghĩ bàn được. Chỗ kiến giải của ta về Giới Định Tuệ lại khác.”

Chí Thành hỏi: “Giới Định Tuệ lẽ ra chỉ một, sao lại có khác?”

Sư nói: “Giới Định Tuệ của thầy người dạy người đại thừa. Giới Định Tuệ của ta dạy người Tối thượng thừa. Chỗ ngộ, giải chẳng đồng nhau; chỗ thấy biết có mau, có chậm. Người hãy nghe ta thuyết, xem có giống thầy người chẳng? Chỗ thuyết pháp của ta chẳng rời khỏi tự tánh. Nếu rời khỏi thể tự tánh mà thuyết pháp, gọi là tướng thuyết, tự tánh thường mê. Nên biết rằng hết thấy muôn pháp đều tự tánh khởi dụng, ấy là pháp Giới Định Tuệ chân thật. Hãy nghe bài kệ này:

*Tâm không sai quấy, tự tánh Giới,
Tâm không ngu si, tự tánh Tuệ,
Tâm không tán loạn, tự tánh Định.
Chẳng thêm chẳng bớt, như kim cang,
Thân dù qua lại, thường trong định.”*

Thành nghe kệ, ăn năn cảm tạ, liền trình kệ rằng:

*Năm uẩn huyễn hình,
Huyễn sao cứu cánh?
Quày đuổi chân như,
Pháp thành chẳng tịnh.*

Sư nhận cho là được. Lại nói với Chí Thành: “Giới Định Tuệ của thầy người khuyên người trí nhỏ căn thấp, Giới Định Tuệ của ta khuyên người trí tuệ đại căn. Nếu ngộ tự tánh, lại chẳng lập Bồ-đề Niết bàn, cũng chẳng lập Giải thoát tri kiến.”

“Không một pháp có thể đắc, mới kiến lập được muôn pháp. Nếu

hiểu rõ ý ấy, cũng gọi là Phật thân, cũng gọi là Bồ-đề Niết bàn, cũng gọi là Giải thoát tri kiến. Người thấy tánh, lập cũng được, chẳng lập cũng được, qua lại tự do, không trì trệ, ngăn ngại. Ứng dụng tùy việc làm, theo lời mà đáp, thấy khắp hoá thân, chẳng lìa tự tánh, tức được thần thông tự tại du hý Tam-muội, đó gọi là thấy tánh.”

Chí Thành lại hỏi Sư rằng: “Thế nào là nghĩa chẳng lập?”

Sư đáp: “Tự tánh không sai quấy, ngu si, tán loạn, Tánh Bát-nhã thường luôn quán chiếu, lìa khỏi pháp tướng, tự do tự tại, dọc ngang đều được, có chi lập được? Tánh mình tự ngộ, tức thời giác ngộ, tức thời tu trì, chẳng có lần lượt thứ lớp, vậy nên chẳng lập pháp nào hết thảy. Các pháp đều tịch diệt, có thứ lớp gì đâu?”

Chí Thành lễ bái, nguyện theo làm kẻ hầu hạ sớm chiều.

Có vị tăng hiệu Chí Triệt, người Giang Tây, vốn trước là họ Trương, tên Hành Xương. Thuở nhỏ tánh tình hung hăng.

Từ khi Nam tông, Bắc tông phân nhau mà hoá độ, hai vị tông chủ tuy chẳng đố kỵ nhau, mà môn đồ thường khởi lòng yêu ghét.

Thuở ấy, môn nhân Bắc tông tự lập đại sư Thân Tú làm Tổ thứ sáu, lại sợ việc Tổ Sư được truyền y thiên hạ đều nghe, bèn cậy Hành Xương đến hành thích. Tâm Sư thông tuệ, biết trước việc ấy, liền sắp đặt mười lượng vàng nơi chỗ ngồi. Đêm tối Hành Xương vào thất Tổ Sư, muốn ra tay làm hại. Sư vươn cổ đưa ra cho chém, mà Hành Xương vung đao ba lần đều không tổn hại đến ngài.

Sư nói: “Gươm chánh chẳng tà, gươm tà chẳng chánh. Chỉ nợ người vàng, chẳng nợ người mạng.”

Hành Xương hoảng vía, lăn ra bất tỉnh. Hồi lâu hoàn hồn, cầu xin sám hối, nguyện xuất gia tức thời. Sư đưa vàng cho mà bảo rằng: “Người nên đi nhanh, kéo đồ chúng hay được sẽ hại người. Ngày sao cải dạng đến đây, ta sẽ thọ nhận.”

Hành Xương vâng lời trốn đi. Về sau xuất gia, thọ đủ giới luật tinh tấn. Ngày kia nhớ lời Sư dặn mới từ xa đến lễ. Sư nói: “Ta nghĩ đến người đã lâu, sao đến trễ vậy?”

Thưa rằng: “Ngày trước đội ơn Hoà thượng xá tội, nay tuy xuất gia khổ hạnh, rốt lại cũng khó đáp đền. Chỉ biết cố gắng truyền pháp độ sanh thôi. Đệ tử thường xem Kinh Niết bàn, chưa hiểu nghĩa thường, vô thường. Xin Hoà thượng từ bi lược thuyết cho.”

Sư đáp: “Vô thường tức là Phật tánh, hữu thường tức tâm phân biệt hết thảy các pháp thiện ác.”

Thưa rằng: “Hoà thượng thuyết như vậy trái hẳn với kinh văn.”

Sư nói: “Ta truyền tâm ấn Phật, sao dám trái với kinh Phật?”

Thưa rằng: “Trong kinh nói Phật tánh là thường. Hoà thượng lại nói vô thường. Các pháp thiện ác, cho đến cả tâm Bồ-đề đều là vô thường. Hoà thượng lại nói là thường. Đó là trái nhau, khiến đệ tử càng thêm nghi hoặc.”

Sư nói: “Kinh Niết bàn, trước đây ta có nghe ni sư Vô Tận Tạng tụng qua một lượt, liền vì bà ấy mà giảng thuyết, không một chữ, một nghĩa nào chẳng hợp kinh. Đến nay vì người mà thuyết, vẫn không sai khác.”

Thưa rằng: “Kẻ học đạo này kiến thức nông cạn, tối tâm. Nguyên Hoà thượng chỉ dạy cho cạn kẻ.”

Sư nói: “Người nên biết, Phật tánh nếu thường, thì thuyết làm gì các pháp thiện ác, cho tới cùng kiếp cũng không có lấy một người phát tâm Bồ-đề. Cho nên ta nói vô thường chính là cái đạo chân thường của Phật thuyết vậy. Lại nữa, hết thấy các pháp nếu như vô thường, tức nhiên mọi vật đều riêng có một tánh, dung nạp và thọ lấy sự sống chết, vậy là tánh chân thường còn có chỗ chưa bap quát. Cho nên ta nói thường, là cái nghĩa chân vô thường của Phật thuyết. Phật vì kẻ phàm phu ngoại đạo chấp lẽ tà thường, vì hàng Nhị thừa chấp thường là vô thường, hợp thành tám thứ điên đảo, cho nên trong giáo pháp Niết bàn rớt ráo mới phá bỏ những chỗ kiến giải thiên lệch đó mà nói rõ nghĩa chân thường, chân lạc, chân ngã, chân tịnh. Nay người lại chấp theo lời, hiểu trái với nghĩa, lấy chỗ vô thường có đoạn diệt và chỗ thường chắc chắn dứt mất mà giải lầm lời viên diệu sau cùng của Phật, dù xem kinh đến ngàn lượt phỏng có ích gì?”

Hành Xương bỗng nhiên đại ngộ, thuyết kệ rằng:

*Người chấp tâm vô thường,
Phật thuyết tánh hữu thường,
Không hiểu rõ phương tiện,
Như ao xuân nhật sỏi.
Ta nay chẳng tốn công,
Mà Phật tánh hiện tiền,
Chẳng phải thầy truyền trao,
Cũng chẳng có chỗ đắc.*

Sư nói: “Nay người thật đã thật thấu triệt, nên lấy tên là Chí Triệt.” Chí Triệt lễ tạ mà lui ra.

Có một đồng tử mười ba tuổi, tên Thần Hội, con nhà họ Cao tại huyện Tương Dương, từ chùa Ngọc Tuyền đến tham lễ Sư.

Sư hỏi: “Bậc tri thức từ xa khó nhọc đến, vậy đã được chỗ cội gốc ban sơ hay chưa? Nếu được hẳn phải biết chủ. Thử nói ra xem.”

Thần Hội nói: “Lấy vô trụ làm gốc, thấy tức là chủ.”

Sư nói: “Chú sa di nhỏ này tranh giữ lấy câu thứ yếu.”

Thần Hội bèn hỏi: “Hoà thượng ngồi thiền, thấy hay chẳng thấy?”

Sư lấy gậy đánh ba cái, hỏi rằng: “Ta đánh nhà người, đau hay không đau?”

Thưa rằng: “Cũng đau, cũng không đau.”

Sư nói: “Ta cũng thấy, cũng chẳng thấy.”

Thần Hội hỏi: “Thế nào là cũng thấy, cũng chẳng thấy?”

Sư nói: “Chỗ ta thấy, thường thấy đều lầm lỗi trong tâm mình, chẳng thấy điều phải quấy, tốt xấu của người khác. Bởi vậy cho nên cũng thấy, cũng chẳng thấy. Còn người nói “Cũng đau, cũng chẳng đau.” Là thế nào? Người nói chẳng đau, tức đồng với cây đá. Nếu đau, tức đồng với kẻ phạm phu, liền khởi oán giận. Người từ trước thấy và chẳng thấy là hai bên; đau và chẳng đau là sanh diệt. Tự tánh của người, người còn chẳng thấy, sao dám đùa người?”

Thần Hội lễ bái, ăn năng tạ lỗi. Sư lại nói: “Người nếu tâm mê chẳng thấy, nên hỏi bậc thiện tri thức chỉ đường cho. Nếu tâm ngộ, tức tự thấy tánh, liền y theo pháp mà tu hành. Nay người mê chẳng thấy tự tâm, lại đến đây hỏi ta thấy với chẳng thấy. Ta thấy, ta tự biết, lẽ đâu mê thay cho người? Người nếu tự thấy, cũng chẳng mê thay cho ta. Sao chẳng tự biết tự thấy, lại hỏi ta thấy với chẳng thấy?”

Thần Hội lại lạy hơn trăm lạy, cầu tạ lỗi lầm. Từ đó siêng năng hầu hạ bên Sư chẳng rời.

Một ngày kia. Sư bảo chúng rằng: “Ta có một vật không đầu không đuôi, không danh không tự, không lưng không mặt. Các người có biết gì chăng?”

Thần Hội bước ra nói: “Đó là nguồn gốc của chư Phật, Phật tánh của Thần Hội.”

Sư nói: “Vừa nói với người không danh không tự, người lại đặt ngay ra nguồn gốc, Phật tánh. Người về sau có ở chốn am tranh, cũng chỉ thành tông đồ của bọn tri giải.”

Sau khi Tổ Sư diệt độ, Thần Hội vào Kinh Lạc, mở rộng Đốn giáo Tào Khê, soạn bộ sách Hiển Tông Ký lưu hành rộng rãi trong đời, lấy hiệu là Hà Trạch Thiên sư.

Sư thấy các tông phái vẫn nạn, thấy điều khởi tâm ác, Ngài thương

tình mới nhóm đồ chúng lại mà dạy rằng: “Người học đạo, hết tẩy tâm thiện ác đều nên dứt sạch, không tên nào có thể gọi, tên ở tự tánh. Tánh không phân biệt, gọi là thật tánh. Từ trên thật tánh, kiến lập ra hết tẩy giáo môn: vừa nghe qua liền tu hành tự tánh.”

Mọi người nghe giảng, thấy đều lễ bái, nguyện thờ làm thầy.

PHẨM THỨ CHÍN ỦNG HỘ PHẬT PHÁP

Ngày tiết thượng nguyên trong năm đầu niên hiệu, Thần Long, Tắc Thiên Thái Hậu và Trung Tâm Hoàng đế ban chiếu rằng:

“Trẫm thỉnh hai vị sư Huệ An và Thần Tú vào cung cúng dường, để khi việc nước rảnh rang có thể tham học giáo pháp Nhất thừa. Hai sư từ chối, nói rằng: “Phương Nam có Huệ Năng Thiền sư được Hoàng Nhãn đại sư mật truyền y pháp, hiện truyền tâm ấn Phật, nên thỉnh vị ấy mà hỏi. Nay sai nội thị là Tiết Giản mang chiếu chỉ đến thỉnh rước. Mong sư mở niệm từ, mau đến kinh thành.”

Sư dâng biểu cáo là có bệnh, xin được trọn đời ở nơi rừng núi. Tiết Giản thưa rằng:

“Các vị thiền đức tại kinh thành nói rằng: “Muốn được hiểu đạo, phải ngồi thiền tập định. Như chẳng nhờ thiền định mà được giải thoát, thật là chưa có. Chẳng hay ý thuyết pháp của Ngài như thế nào?”

Sư đáp: “Đạo do tâm ngộ, có phải ở chỗ tập ngồi đó sao? Kinh nói: “Nếu bảo Như Lai ngồi hoặc nằm, ấy là hành đạo tà. Cớ sao vậy? Vì không do chỗ nào mà lại, cũng không đi đến chỗ nào, không sanh không diệt, ấy là phép thiền thanh tịnh của Như Lai. Các pháp đều như hư không tịch tĩnh, ấy là phép ngồi thanh tịnh của Như Lai. Rốt cuộc còn không có chỗ chứng đắc, hướng lại phải ngồi sao?”

Tiết Giản thưa rằng: “Đệ tử về kinh. Chúa thượng ắt phải hỏi. Nguyên sư từ bi, chỉ bảo cho chỗ tâm yếu để tâu lên hai cung và truyền lại với những người học đạo nơi kinh thành. Ví như một ngọn đèn nối qua trăm ngàn ngọn đèn, các chỗ tối đều sáng, sáng hoài không dứt.”

Sư nói: “Đạo không có sáng tối. Sáng tối là nghĩa thay đổi nối tiếp nhau. Sáng hoài không hết, cũng nghĩa là có hết. Đối đãi nhau mà thành tên cho nên kinh Tịnh Danh nói: Pháp không có so sánh, không có đối đãi.”

Tiết Giản nói: “Sáng trí cho trí tuệ, tối ví cho phiền não. Người tu hành nếu chẳng đem trí tuệ chiếu phá phiền não thì vòng sanh tử từ vô thủy đến nay nhờ đâu mà ra khỏi?”

Sư nói: “Phiền não tức Bồ-đề, không hai, không khác. Nếu đem trí tuệ chiếu phá phiền não, đó là kiến giải của hàng Nhị thừa, là căn cơ của hạng xe dê, xe hươu. Hàng đại căn, thượng trí chẳng phải như vậy.”

Tiết Giản hỏi: “Thế nào là kiến giải của đại thừa?”

Sư đáp: “Sáng với không sáng, kẻ phàm phu thấy là hai. Người trí giả liễu đạt thấy tánh của sáng tối vốn chẳng có hai. Tánh không hai đó là tánh thật. Tánh thật ở người phàm phu chẳng bớt, chỗ bậc hiền thánh cũng chẳng thêm; trụ nơi phiền não mà chẳng tán loạn; ở nơi thiền định cũng chẳng vắng lặng, chẳng dứt mất, chẳng thường còn, chẳng lại, chẳng qua; chẳng ở khoảng giữa, cùng là trong ngoài, chẳng sanh ra, chẳng diệt mất, tánh tướng đều như như, thường trụ chẳng chuyển dời, đó gọi là Đạo.”

Tiết Giải hỏi: “Sư nói chẳng sanh chẳng diệt, có khác gì ngoại đạo?”

Sư đáp: “Ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt, đó là lấy chỗ diệt mà dừng chỗ sanh; lấy chỗ sanh mà bày rõ chỗ diệt. Chỗ diệt, họ nói thành chẳng diệt; chỗ sanh họ nói là chẳng sanh. Ta nói chẳng sanh chẳng diệt đây là vốn xưa không sanh, nay cũng chẳng diệt, cho nên chẳng đồng với ngoại đạo. Người nếu muốn biết chỗ tâm yếu, chỉ cần đối với hết thảy việc thiện ác đều không suy lường, tự nhiên sẽ được tâm thể thanh tịnh, sáng tỏ thường tịch, chỗ diệu dụng nhiều như cát sông Hằng.”

Tiết Giải nhờ ơn chỉ dạy, thoát nhiên đại ngộ. Lễ bái từ biệt về triều, dâng biểu tâu lên lời nói của Sư. Ngày mùng ba tháng chín năm ấy, có chiếu dụ ban khen Sư rằng: “Sư lấy cố già yếu, vì trăm mà lo tu đạo, ấy là ruộng phước của cả nước. Sư cũng như ngài Tịnh Danh cáo bệnh ở thành Tỳ da, xiển dương đại thừa, truyền tâm của chư Phật, luận pháp bất nhị. Tiết Giải có truyền lại lời Sư chỉ rõ tri kiến Như Lai, Trăm nhờ chất chứa nhân lành, trồng sẵn thiện căn, nên mới gặp lúc Sư ra đời, đốn ngộ pháp thượng thừa, cảm đội ơn Sư mãi mãi không hết! Nay xin dâng tấm áo cà sa Ma nạp và bình bát thủy tinh. Lệnh cho quan Thứ sử Thiều Châu sửa sang lại cảnh chùa, và ban hiệu cho chỗ ở cũ của Sư là Chùa Quốc Ân.”

PHẨM THỨ MƯỜI DẶN DÒ

Một ngày kia, Sư gọi hết môn đồ như các vị Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như... mà dạy rằng:

“Các người chẳng giống như người khác, sau khi ta diệt độ mỗi người đều làm thầy một phương. Vậy ta dạy các người cách thuyết pháp chẳng mất bản tông.

“Trước hết nên đưa ra Pháp môn ba khoa, chỗ rộng chỗ dụng gồm ba mươi sáu pháp đối. Ra vào lia cả hai bên, thuyết tất cả pháp chẳng lia tự tánh. Chợt có người đến hỏi pháp, nói ra lời nào đều nêu thành cặp, đều lấy pháp đối, chỗ đến chỗ đi làm nhân cho nhau. Cứu cánh thì hai pháp đều trừ hết, không có cả nơi đi nữa.

“Pháp môn ba khoa đó là: ấm, giới, nhập. Ấm là năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai nhập, gồm có bên ngoài và sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; bên trong sáu cửa: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Giới là mười tám giới, gồm sáu trần, sáu cửa và sáu thức. Tự tánh hàm chứa được muôn pháp, gọi là Hàm tàng thức. Nếu khởi sự suy lường, tức liền chuyển thức, sanh sáu thức, ra sáu cửa, thấy sáu trần, như vậy tất cả mười tám giới đều do tự tánh khởi dụng. Tự tánh nếu tà, khởi nên mười tám pháp tà; tự tánh nếu chánh, khởi nên mười tám pháp chánh. Nếu chỗ dụng ác, tức chỗ dụng của chúng sanh; nếu chỗ dụng thiện, tức là chỗ dụng của Phật.

“Chỗ dụng đó do nơi đâu? Do tự tánh mà có các pháp đối nơi ngoại cảnh. Vô tình có năm cặp đối: trời đối với đất, mặt trời đối với mặt trăng, sáng đối với tối, âm đối với dương, nước đối với lửa. Đó là năm cặp đối nhau.

“Pháp tướng là ngôn ngữ có mười hai cặp đối nhau: lời nói đối với pháp, có đối với không, sắc đối với không sắc, tướng đối với không tướng, hữu lậu đối với vô lậu, sắc đối với không, động đối với tĩnh, trong đối với đục, phàm đối với thánh, tăng đối với tục, già đối với trẻ, lớn đối với nhỏ. Đó là mười hai cặp đối nhau.

“Tự tánh khởi dụng mười chín cặp đối nhau: dài đối với ngắn, tà đối với chánh, si đối với tuệ, ngu đối với trí, loạn đối với định, từ đối với độc, trì giới đối với sai quấy, chánh trực đối với tà vạy, thật đối với hư, hiểm đối với bình, phiền não đối với Bồ-đề, thường đối với vô thường, bi đối với hại, mừng đối với giận, bố thí đối với bủn xỉn, tởi đối với lui,

sanh đối với diệt, pháp thân đối với sắc thân, hoá thân đối với báo thân. Đó là mười chín cặp đối nhau.

“Ba mươi sáu pháp đối ấy, nếu hiểu cách dùng, tức nói được thông suốt hết thấy kinh pháp, ra vào lìa khỏi hai bên. Tự tánh động dụng, cùng người nói năng. Bên ngoài ở nơi tướng lìa khỏi tướng, bên trong ở nơi không lìa khỏi không. Nếu trọn vương mắc vào tướng, tức là tăng thêm tà kiến. Nếu trọn chấp lấy không, tức là tăng thêm vô minh. Những người chấp không huỷ báng kinh điển, liền nói thẳng là chẳng dùng văn tự. Nếu đã nói chẳng dùng văn tự, người ta lẽ ra chẳng cần đến ngôn ngữ. Chỉ lời nói ấy, cũng là tướng văn tự. Lại nói rằng, chỉ thẳng chẳng lập văn tự. Tức nhiên hai chữ chẳng lập cũng là văn tự rồi. Thấy người thuyết pháp liền chê bai, bảo là mắc vào văn tự. Các người nên biết rằng, tự mình ngu mê còn nhẹ, lại đi huỷ báng kinh Phật! Chẳng suy xét rằng huỷ báng kinh điển, tội chướng không nói hết!

“Nếu vương mắc lấy tướng ở ngoài làm pháp cầu chân, hoặc rộng mở đạo tràng thuyết những lẽ có không lầm lạc, những người như vậy dẫn qua nhiều kiếp cũng chẳng thể thấy tánh. Chỉ nghe rồi y theo pháp mà tu hành, đừng nên cố dứt cho hết trăm mối nghĩ mà đối với đạo phải bị che chướng. Nếu nghe thuyết mà chẳng tu, khiến cho người ngược lại sanh ra tà niệm. Chỉ y như pháp mà tu hành, là bố thí pháp không trụ nơi tướng.

“Các người nếu mà ngộ đạo, hãy y theo đó mà thuyết, y theo đó mà dùng, y theo đó mà hành, y theo đó mà làm, tức là chẳng mất bản tông. Nếu có người hỏi nghĩa, khi hỏi có mà dùng không mà đáp; hỏi không dùng có mà đáp; hỏi thánh dùng phàm mà đáp; hỏi phàm dùng thánh mà đáp. Hai bên làm nhân cho nhau, sanh ra nghĩa trung đạo. Cứ thế, một hỏi thì một đáp, dù có hỏi nhiều câu khác, cũng cứ y theo cách ấy mà đáp, tức không thất lý. Giả như có người hỏi rằng: “Thế nào gọi là tối?” Đáp rằng: “Sáng là nhân, tối là duyên. Sáng hết thời tối”. Đem lẽ sáng làm rõ lẽ tối, đem lẽ tối làm rõ lẽ sáng. Qua lại làm nhân cho nhau, thành nghĩa trung đạo. Dù hỏi thêm nữa, cũng đều như thế mà đáp. Các người về sau này truyền pháp, y theo cách ấy mà truyền trao dạy dỗ, đừng bỏ mất tông chỉ.”

Tháng bảy năm Nhâm Tý! Sư bảo môn đồ qua chùa Quốc Ân tại Tân Châu xây tháp, hối thúc thợ làm nhanh, qua cuối mùa hạ năm sau làm lễ khánh thành.

Mùng một tháng bảy, Sư nhóm đồ chúng, dạy rằng: “Đến tháng tám này, ta muốn lìa khỏi thế gian. Các người có điều nghi nên hỏi sớm

đi, ta phá nghi cho, khiến các người hết mê. Sau khi ta đi rồi, không có người dạy các người.”

Pháp Hải cùng các môn đồ nghe lời này thấy đều sa nước mắt khóc. Duy chỉ có Thần Hội là thần sắc không thay đổi, chẳng khóc, Sư nói: “Tiểu sư Thần Hội đạt được chỗ thiện, bất thiện như nhau, chê khen chẳng động, buồn vui chẳng sanh; còn những người khác chẳng được gì cả. Vậy bao năm nay ở chùa, các người tu pháp chi? Nay các người bị lụy, ấy là vì ai mà lo? Nếu lo vì ta chẳng biết nơi đi, thì ta tự biết nơi đi. Nếu ta chẳng biết nơi đi, thì đã chẳng báo trước với các người. Các người bị lụy, thật là vì chẳng biết chỗ ta đi. Nếu biết chỗ ta đi, ắt chẳng nên bị lụy. Pháp tánh vốn không có sanh diệt, đến đi. Tất cả hãy ngồi lại đây nghe ta thuyết một bài kệ, gọi là kệ Chân Giả Động Tĩnh. Tụng bài kệ này là với ta cùng một ý. Y theo đó mà tu hành, sẽ chẳng mất tông chỉ.”

Chúng tăng làm lễ, thỉnh Sư nói kệ:

*Hết thấy không có chân,
Đừng xem đó là chân.
Nếu thấy lẽ chân thật,
Thấy tất cả không chân.
Nếu tự mình có chân.
Lìa giả tức tâm chân.
Tự tâm chẳng lìa giả,
Không chân, chốn nào chân?
Có tình liền biết động.
Nếu tu theo chẳng động.
Đồng vô tình chẳng động.
Nếu tìm thật chẳng động.
Nơi động có chẳng động.
Chẳng động là chẳng động.
Vô tình không mầm Phật.
Khéo phân biệt được tướng,
Nghĩa đệ nhất chẳng động.
Chỉ nhìn theo cách ấy.
Tức là chân như dụng.
Khuyên những người học đạo.
Gắng sức nên dụng ý.
Đừng đến chỗ Đại thừa,
Lại chấp lấy trí sanh tử.*

*Nếu nghe qua tương ứng,
 Liền cùng bàn nghĩa Phật.
 Nếu thật chẳng tương ứng,
 Chắp tay, tùy hoan hỷ.
 Tông này vốn không tranh,
 Tranh liền mất đạo ý.
 Vương mắc chỗ nghịch tranh,
 Tự tánh vào sanh, tử.*

Khi ấy, đồ chúng nghe thuyết kệ rồi, tất cả đều làm lễ. Thế theo ý Sư, thầy đều thâm nhiếp tâm, y theo pháp mà tu hành, chẳng tranh luận nữa. Biết là đại sư chẳng còn trụ lâu ở đời, Pháp Hải liền lên toà, lạ hai lạ, thưa hỏi rằng:

“Sau khi Hoà thượng nhập diệt, y pháp nên truyền cho người nào?”

Sư đáp rằng: “Những điều ta thuyết giảng từ khi ở chùa Đại Phạm cho tới nay, hãy ghi chép lại mà cho lưu hành, đề tựa là Kinh Pháp Bảo Đàn. Các người hãy giữ gìn, truyền trao cho nhau, độ khắp quần sanh. Chỉ y theo đó, gọi là chánh pháp. Nay ta vì mọi người mà thuyết pháp, chứ chẳng truyền y. Vì lòng tin của các người đã thuần thực, quyết định không còn nghi ngờ, có thể nhận nổi việc lớn. Lại theo ý Tổ Đạt ma truyền kệ, thì y chẳng nên truyền. Kệ như thế này:

*Ta vốn đến nơi này,
 Truyền pháp cứu người mê.
 Một hoa nở năm cánh,
 Kết quả tự nhiên thành.*

Sư lại dạy rằng: ““Các vị thiện tri thức! Hãy tịnh tâm nghe ta thuyết pháp: Nếu muốn thành tựu trí tuệ, phải đạt được Nhất tướng Tam-muội và Nhất hạnh Tam-muội.

“Như ở khắp mọi nơi mà chẳng trụ nơi tướng, ở trong tướng ấy chẳng sanh lòng yêu ghét, cũng không lấy bỏ, chẳng nghĩ những sự lợi ích, thành hoại, trong tâm an nhàn, điềm tĩnh, rỗng rang, đạm bạc, đó gọi là Nhất tướng Tam-muội.

“Như ở khắp mọi nơi, trong khi đi đứng nằm ngồi, thuần một lòng ngay thẳng, chẳng động đạo tràng, thật thành tựu Tịnh độ, đó gọi là Nhất hạnh Tam-muội.

“Nếu người nào đủ hai loại Tam-muội ấy, như đất có sẵn mầm giống, hàm chứa, nuôi dưỡng cho lớn để thành thực kết quả. Nhất tướng Tam-muội, Nhất hạnh Tam-muội cũng giống như vậy. Nay ta thuyết

pháp như mưa đúng mùa, thấm nhuần khắp mặt đất. Phật tánh của các người như những hạt giống gặp mưa, thấy đều phát sanh. Theo lời chỉ bảo của ta, quyết sẽ được Bồ-đề; theo như hạnh của ta, nhất định chứng hiệu quả. Hãy nghe bài kệ này:

*Đất tâm sẵn giống lành,
Gặp mưa, nảy mầm sanh.
Bình ngộ tình hoa rồi,
Quả Bồ-đề tự thành.”*

Sư thuyết kệ rồi, lại nói rằng: “Pháp chẳng phân hai, tâm cũng như vậy. Đạo vốn thanh tịnh, cũng không có các tướng. Các người cần thận, chớ rơi vào chỗ quán tịnh hoặc cố làm trống không tâm mình. Tâm này vốn tịnh, không thể lấy, không thể bỏ. Mỗi người nên tự mình gắng sức, khéo tùy duyên mà đi đi.”

Khi ấy, đồ chúng đều làm lễ mà lui ra.

Ngày mùng tám tháng bảy, Đại sư thỉnh linh bảo chúng môn đồ rằng: “Ta muốn về Tân Châu, các người mau chuẩn bị thuyền.”

Đại chúng buồn thắm, thiết tha cầm lại. Sư nói:

“Chư Phật ra đời còn thị hiện nhập Niết bàn. Có đến tất có đi, cũng là lẽ đương nhiên. Hình hài này của ta ắt có chỗ về.”

Đại chúng thưa hỏi: “Từ đây Sư đi, sớm muộn rồi có trở về chăng?”

Sư nói: “Lá rụng về cội.”

Ngày về không nói.

Chúng lại hỏi rằng: “Chánh pháp nhãn tạng, truyền cho ai?”

Sư đáp: “Ai có đạo thì được, ai vô tâm thì không hiểu.”

Chúng lại hỏi: “Về sau không có nạn gì chăng?”

Sư đáp rằng: “Sau khi ta tịnh diệt chừng năm, sáu năm, sẽ có một người đến lấy đầu ta. Hãy nghe lời sấm này:

*Đầu thờ cha mẹ,
Miệng cần miếng ăn.
Gặp nạn tên Mãn,
Dương, Liễu làm quan.*

Sư lại nói: “Sau khi ta đi bảy mươi năm, có hai vị Bồ tát từ phương Đông lại, một vị xuất gia, một vị tại gia, đồng thời chấn hưng, giáo hoá, gây dựng lại tông phái, xây dựng lại cảnh chùa, làm cho thịnh vượng đạo pháp.”

Chúng lại hỏi: “Từ Phật tổ ứng hiện đến nay truyền trao đã mấy đời, xin chỉ bảo cho biết.”

Sư đáp: “Phật xưa ứng thế nhiều vô số, không thể tính đếm, kể hết. Nay chỉ lấy bảy vị làm đầu. Đời quá khứ Trang nghiêm Kiếp có Phật Tỳ bà thi, Phật Thi khí, Phật Tỳ xá phù. Về Hiền Kiếp này có Phật Câu lưu tôn, Phật Câu na hàm Mâu ni, Phật Ca điếp và Phật Thích ca. Đó là bảy vị Phật.

“Phật Thích ca bắt đầu truyền cho Tôn giả Ma ha Ca điếp là Tổ thứ nhất.

“Tổ thứ hai là Tổ A nan, Tổ thứ ba là Tôn giả Thương na Hoà tu, Tổ thứ tư là Ưu ba cúc đa, Tổ thứ năm là Tôn giả Đề đa ca, Tổ thứ sáu là Tôn giả Di giá ca, Tổ thứ bảy là Tôn giả Bà tu mật đa, Tổ thứ tám là Tôn giả Phật đà Nan đề, Tổ thứ chín là Tôn giả Phục đà Mật đa, Tổ thứ mười là Tôn giả Hiếp, Tổ thứ mười một là Tôn giả Phú na Dạ xoa, Tổ thứ mười hai là Đại sĩ Ma minh, Tổ thứ mười ba là Tôn giả Ca tỳ Ma la, Tổ thứ mười bốn là Đại sĩ Long thọ, Tổ thứ mười lăm là Tôn giả Ca na đề bà, Tổ thứ mười sáu là Tôn giả La hầu la đa, Tổ thứ mười bảy là Tôn giả Tăng già Nan đề, Tổ thứ mười tám là Tôn giả Già da xá đa, Tổ thứ mười chín là Tôn giả Cưu ma la đa, Tổ thứ hai mươi là Tôn giả Xà da đa, Tổ thứ hai mươi một là Tôn giả bà tu Bàn đầu, Tổ thứ hai mươi hai là Tôn giả Ma nô la, Tổ thứ hai mươi ba là Tôn giả Hạc lạc na, Tổ thứ hai mươi bốn là Tôn giả Sư Tử, Tổ thứ hai mươi lăm là Tôn giả Bà xá Tư đa, Tổ thứ hai mươi sáu là Tôn giả Bất như Mật đa, Tổ thứ hai mươi bảy là Tôn giả Bát-nhã Đa la, Tổ thứ hai mươi tám là Tôn giả Bô-đề Đạt ma, Tổ thứ hai mươi chín là Đại sư Huệ Khả, Tổ thứ ba mươi là đại sư Tăng Xán, Tổ thứ ba mươi một là Đại sư Đạo Tín, Tổ thứ ba mươi hai là Đại sư Hoàng Nhãn. Huệ Năng này là Tổ thứ ba mươi ba.

“Các vị Tổ trên đây đều có sự truyền nối rõ ràng.” Các người về sau, đời này lưu truyền đời kia, cũng đừng để cho lầm lạc.”

Đại chúng nghe xong, tin nhận lời Tổ, làm lễ lui ra.

Ngày mùng 3 tháng 8 năm Quý Sửu. Đại sư dùng bữa ở chùa Quốc Ân xong, bảo đồ chúng rằng:

“Các người theo thứ tự mà ngồi, ta từ biệt các người.”

Pháp Hải bạch rằng: “Hoà thượng lưu lại giáo pháp chi, khiến cho người mê đời sau thấy được Phật tánh?”

Sư nói: “Các người hãy lắng nghe đây. Người mê đời sau nếu nhận biết chúng sanh, tức là Phật tánh. Nếu chẳng nhận biết chúng sanh, dù muôn kiếp tìm Phật cũng khó gặp. Nay ta dạy các người nhận biết chúng sanh nơi tự tâm, thấy tánh Phật nơi tự tâm. Muốn cầu thấy Phật, chỉ cần nhận biết chúng sanh. Chỉ vì chúng sanh làm mê tánh Phật,

chẳng phải tánh Phật làm mê chúng sanh. Tự tánh giác ngộ, chúng sanh là Phật; tự tánh ngu mê, Phật là chúng sanh. Tự tánh bình đẳng, chúng sanh là Phật; tự tánh là hiểm, Phật là chúng sanh. Các người nếu trong tâm hiểm sâu tà vạy, tức là Phật che lấp trong chúng sanh. Một niệm công bằng chánh trực, tức chúng sanh thành Phật. Trong tâm ta tự có Phật. Phật tự tâm mới thật là Phật. Nếu tự mình không có tâm Phật, thì cầu Phật ở đâu? Tự tâm của các người là Phật, đừng hồ nghi nữa. Bên ngoài không một vật gì có thể kiến lập được, chỉ đều là tự bản tâm sanh ra muôn pháp. Cho nên kinh nói rằng: “Tâm sanh, các pháp đều sanh; tâm diệt các pháp đều diệt. Nay ta lưu lại một bài kệ để từ biệt các người, gọi là Kệ Tự tánh chân Phật. Người đời sau hiểu được ý kệ thì tự thấy bản tâm, tự thành Phật đạo.” Kệ rằng:

*Chân như tự tánh là chân Phật,
Ba độc tà kiến ấy vua ma.
Trong lúc tà mê, ma đến cửa.
Những khi chánh kiến, Phật trong nhà,
Trong tánh tà kiến, ba độc sanh.
Ấy là vua ma lại đến viếng.
Chánh kiến trong tâm trừ ba độc,
Ma hoá làm Phật, thật không giả.
Pháp thân, Báo thân và Hoá thân,
Ba năm xưa nay là Một thân.
Quay nhìn trong tánh, tự thấy được,
Chính là nhân thành Phật Bồ-đề.
Vốn từ Hoá thân sanh tánh tịnh,
Tánh tịnh lại thường trong Hoá thân.
Da tánh, Hoá thân hành đạo chánh,
Ngày sau viên mãn thật vô cùng.
Tánh dâm vốn là nhân tánh tịnh,
Trừ dâm, tức là sạch tánh thân.
Trong tánh đều tự bỏ năm dục,
Ngay khi thấy tánh, tức là chân,
Đời này nếu gặp pháp Đốn giáo,
Chợt ngộ tự tánh, thấy Như Lai.
Nếu muốn tu hành cầu làm Phật.
Chẳng biết nơi đâu cầu được chân.
Nếu tự trong tâm thấy được chân.
Chân ấy chính là nhân thành Phật.*

*Chẳng thấy tự tánh, ngoài tìm Phật,
 Sanh tâm đều là hạng ngu dân.
 Pháp môn Đốn giáo nay đã truyền,
 Cứu độ người đời, nên tự tu,
 Những người học đạo về sau này,
 Không chỗ thấy ấy, thấy thên thang.*

Sư thuyết kệ rồi, bảo rằng: “Các người nên khéo giữ gìn. Sau khi ta diệt độ, chớ theo thường tình thế tục bi lụy khóc lóc, mặc đồ tang, bày chuyện điếu văn. Làm như vậy chẳng phải đệ tử ta, cũng chẳng hợp chánh pháp. Chỉ tự nhận biết bản tâm, tự thấy bản tánh, không động không tĩnh, không sanh không diệt, không qua không lại, không phải không quấy, không trụ không đi. Sợ rằng các người tâm mê chẳng hiểu ý ta, nay dặn dò lại các người lần nữa, khiến cho được thấy tánh. Sau khi ta diệt độ, y như vậy tu hành, như ta vẫn còn. Nếu trái lời dạy của ta, thì dầu ta còn tại thế cũng chẳng ích gì.” Lại thuyết kệ rằng:

*Sừng sừng chẳng tu lành,
 Trơ trơ không tạo ác,
 Lặng lặng dứt thấy nghe,
 Lâu lâu tâm vô trước.*

Sư thuyết kệ rồi, ngồi ngay ngắn cho tới canh ba, thành linh bảo môn nhân rằng: “Ta đi đây”. Rồi an nhiên mà tịch. Lúc đó, mùi hương lạ đầy nhà, cầu vồng màu trắng nổi từ trời xuống đất, cây rừng biến ra màu trắng, chim muông kêu tiếng thảm thương.

Đến tháng mười một, quan lại và môn nhân, kẻ tăng, người tục ở ba quận Quảng Châu, Thiều Châu và Tân Châu đều tranh nhau rước chân thân, không giải quyết được. Mọi người bèn đốt hương mà khẩn rằng: “Khói hương bay hướng nào là Sư về nơi đó.” Khẩn xong, khói hương bay về hướng Tào Khê.

Ngày mười ba tháng mười một, dời linh cữu và y bát của Tổ truyền lại, rước về Tào Khê. Ngày hai mươi lăm tháng bảy năm sau, mở áo quan ra. Đệ tử là Phương Biện dùng bột hương nhào phết lên cúng dường. Môn nhân nhớ lại lời sấm “lấy đầu”, bèn dùng lá sắt, vãi sơn bao quanh cổ Sư, rồi mới rước vào tháp. Thành linh, trong tháp có hào quang màu trắng hiện ra, xông thẳng lên trời, ba ngày sau mới tan. Quan Thiều Châu tâu việc ấy lên triều đình. Vua ban chiếu sai lập bia ghi đạo hạnh của Sư.

Sư thọ 76 tuổi, năm 24 tuổi được truyền y, 39 tuổi xuống tóc. Thuyết pháp làm lợi cho chúng sanh 37 năm. Kể năm được tông chỉ

nổi pháp Sư có 43 người, còn kẻ ngộ đạo siêu phàm thì chẳng biết bao nhiêu mà kể. Tấm y làm tin từ Tổ Đạt ma truyền lại, áo cà sa ma nạp với bình bát quý của vua Trung Tông dâng cúng, và tượng của Sư do Phương Biện đắp, cùng các đồ đạo cụ khác, đều giao cho vị thị giả chủ tháp trông coi, giữ hoài ở đạo tràng Bảo Lâm. Lại lưu truyền bộ Đàm Kinh này để nói rõ tông chỉ. Hết thấy mọi việc trong đời Sư đều là để làm cho hưng long Tam Bảo, lợi ích khắp quần sanh vậy.

PHỤ LỤC:

*** CHUYỆN KỂ CỦA NGƯỜI GIỮ THÁP**

Sau khi Sư nhập tháp, tới năm Khai Nguyên thứ 10 nhằm nửa đêm ngày mùng ba tháng tám, thành linh nghe trong tháp như có tiếng kéo dây sắt. Chúng tăng giựt mình thức dậy, ngó thấy một người mặc đồ tang từ trong tháp chạy ra. Tìm thấy có vết thương nơi cổ Sư. Liền đem chuyện kể trộm trình lên châu, huyện. Quan huyện lệnh là Dương Khản, quan thứ sử là Liễu Vô Thiểm nhận được tin, sai quân đi tìm nả rất khẩn. Ngày thứ năm, bắt được tội phạm tại thôn Thạch Giác, giải về Thiều Châu tra hỏi. Lời khai rằng: “Họ Trương tên Tịnh Mãn, người huyện Lương thuộc Nhữ Châu. Tại chùa Khai Nguyên nơi Hồng Châu có nhận hai chục ngàn quan tiền của một vị tăng xứ Tân La là Kim Đại Bi để lấy đầu của Lục Tổ Đại sư, đưa cho vị ấy đem về xứ Hải Đông cúng dường.” Quan Thứ sử Liễu nghe lời khai, chưa dõng gia hình. Bèn đích thân đến Tào Khê, hỏi môn đồ của bậc cao của Sư là Lịnh Thao rằng: “Việc này xử đoán thế nào?”

Thao đáp: “Nếu luận theo phép nước, thời lẽ nên giết. Nhưng lấy nghĩa từ bi của Phật giáo, thì coi oán thù với thân thích như nhau. Huống chi kẻ kia muốn cầu để cúng dường, nên thứ tội đi.”

Quan Thứ sử Liễu khen rằng: “Mới hay cửa Phật quảng đại!” Liền tha tội cho.

Năm đầu niên hiệu Thượng Nguyên, vua Túc Tông sai sứ tới thỉnh y bát của Sư đem về nội cung cúng dường.

Qua năm đầu niên hiệu Vĩnh Thái, ngày mùng năm tháng năm, vua Đại Tông nằm mộng thấy Lục Tổ Đại sư đến thỉnh y bát. Ngày mùng bảy, vua giáng sắc cho viên Thứ sử Dương Giám rằng: “Trẫm mộng thấy Năng Thiển sư xin đem truyền y, cà sa trở về Tào Khê. Nay

sai Trấn quốc Đại tướng quân Lưu Sùng Cảnh đội đầu mà đưa đến Trẫm xem là đồ quốc bảo. Nhà ngươi nên theo như phép tắc, đặt yên tại chùa ấy, chuyên khiến cho tăng chúng thân thừa tông chỉ, thủ hộ nghiêm nhặt, đừng để mất đi.”

Về sau, cũng có khi bị người lấy trộm, đều tìm kiếm chẳng xa mà bắt lại được. Như vậy có đến ba bốn lần.

Vua Hiến Tông ban thụy hiệu là Đại Giám Thiên sư, đề tên tháp là Nguyên Hoà Linh Chiếu. Còn những sự tích khác, hiện chép tại các bài văn bia của quan Thượng thư Vương Duy, quan thứ sử Liễu Tông Nguyên, quan thứ sử Lưu Vũ Tích đời nhà Đường.

Kẻ giữ tháp Sa môn Lịnh Thao ghi.

BÀI TỰA CUỐI

Sau khi Lục Tổ Thị Tịch, có tảng đá khắc tám chữ: “Long Sóc nguyên niên Lư sự sĩ chí” tảng đá này vẫn còn ở Đông Thiên Huỳnh Mai.

Đời Đường Thừa tướng Vương Duy Hữu làm lời ký về lục Tổ cho Đại sư thần hội rằng: “Sự sống lẫn lộn vất vả với bọn thợ săn trải qua 16 năm đến khi gặp hội giảng kinh của Ngài Ấn Tông mới được xuống tóc.

Thứ sử Liễu tông Nguyên làm bia về việc ban thụy hiệu cửa Tổ sư: “sư được trao y bát sâu ẩn lánh ở Nam Hải 16 năm, khi đoán biết thời cơ thuận hợp mới đến Tào Khê làm thầy người”.

Thừa tướng Trương Thương Anh có làm Ngũ Tổ Ký rằng: Ngũ Tổ hoàng đạo tại Đông Thiên viện huyện Huỳnh Mai đến mãn đầu niên hiệu Long Sóc truyền y pháp cho Lục Tổ, rồi giải tán đại chúng vào núi Đông Kết am, có người tên bằng Mậu cúng sư ngọn núi để làm đạo tràng.

Qua những bia ký này, thì Lục Tổ đến Huỳnh Mai được Ngũ Tổ truyền y pháp đúng vào năm tân Dậu của Long Sóc nguyên niên, đến năm Bính Tý niên hiệu Nghi Phụng là 16 năm Sư mới đến chùa Pháp Tánh xuống tóc thọ túc xong mới đến Huỳnh Mai, e rằng không đúng.

Sự việc các triều đại sùng phụng Lục Tổ-Hoàng Đế Đường Hiến Tông ban thụy cho Đại sư là Thiên Sư Đại Giám.

Hoàng đế tống ban thụy cho Đại sư là Thiên sư Đại Giám.

Hoàng đế tống thái Tông thêm vào tên Thụy là Đại Giám chân không chiếu cho tháp mới của tổ là tháp thái bình Hưng Quốc.

Hoàng đế Tống Nhân niên hiệu Thiên Thánh Thư 10 cung nghinh

chấn thân và y bát của Lục Tổ vào nội cung cúng dường, thêm vào tên thụy là Đại Giám chân không Phổ Giác

Hoàng đế tống thần Tông thêm vào tên thụy là Đại Giám chân không Phổ Giác Viên minh

Tất cả có đủ trong bia ký của Nguyên Hiến Công.

BIA BAN THUY CHO ĐẠI GIÁM THIÊN SƯ

Phù phong Tông hỏi: Lĩnh Nam năm thứ ba do Tổ thứ sáu của đạo Phật chưa có hiệu, làm số tau lên vua xuống chiếu ban cho hiệu là đại giám Thiên sư tháp hiệu Linh Chiếu.

Ngày 13 tháng 10 năm Nguyên Hòa thứ 10, sau Thượng Tho Ty Bộ phù hiệu đến đô phủ, Công ra lệnh quan phó ty sử bộ ở châu kịp bảo ở trên núi đàyhang, muôn người đều hội đến nghe quý thần, lúc bấy giờ học có hơn ngàn người mà thấy đều vui mừng hơn người như thấy vừa sống lại, lại có cảm động buồn thương xơi nước mắt như thầy mới chết. Nhơn đó nói rằng: “từ khi có sinh vật thì ưa thích nhau, cướp đoạt, giết chóc tán mất bốn chất, trái ngược dâm dật, đâu khắc được nơi ban đầu. Không tử chẳng có vị lớn, không dư lời để giữ đời. Lại Dương, Mặc,

Huỳnh Lão càng lộn thuật kia, chia cắt mà cho tháp chùa của ta bà xuất phát sau. Suy ra lia trở lại nguồn cội, chỗ gọi là sống mà tịnh ấy, họ Lương ưa làm công đức hữu vi Tổ Đạt-ma chê đó, thuật không càng hiển. Lục Tổ truyền đến Đại Giám Đại giám mới do công phục dịch cực khổ, một phen nghe lời nói mong đến rất ráo. Sư do cảm động bèn nhận đủ lòng tin, xa ẩn trên biển Nam mọi người không hay biết đến sáu mươi tuổi ở kia có thể làm, bèn ở Tào Khê là thấy người kẻ đến học thường có mấy ngàn, đạo dùng vô vi làm có, dùng rỗng không làm thật, lấy rộng lớn mênh mộng làm chỗ quy về, sau cùng tánh thiện không nhờ cày cuốc vốn tịnh kia vậy. Chặng giữa tông tiếng tăm khiến may mắn quan lại gan không thể đến lấy lời kia để làm tâm thuật.

Thuyết kia đủ tồn tại, nay khắp cả thiên hạ phàm phu nói thiên đều vốn Tào Khê. Cách đời Đại Giám có trăm lẻ sáu năm, phàm trị Quảng Bộ mà dùng tiếng tăm là đến mười mấy, đâu có thể vạch bày hiệu kia. Bền này mới thừa Thiên Tử được hiệu lớn đầy đủ giúp đỡ đạo ta, kia có thể không lời. Công ban đầu lập triều do Nho trọng trái ngược chí thánh châu quận được an phía nam. Do trong biển mọi rợ lớn chở thân độc phía tây, thuyền nổi nghe lệnh đều giúp đức công, nhận cờ mao tuyết kích đi đến Nam Hải, cõi nước như rừng không giết không giận, người sợ không bị kinh hãi, đây khắc ánh sáng nơi có lòng nhưn,

chiếu bày Đại Giám đầu bằng công, nên tín đồ kia già bèn đổi đá ở dưới nhà, khiến đến có lời thừa bạch, lời kia rằng:

Đạt-ma càng càng truyền lời tâm của Phật, sáu đời truyền trao đến Đại Giám, là cuối nhọc nhằn siêng năng chuyên thâm trọn ôm ấp nơi sâu, ôm lòng tin kia làm âm đức của biển. Đạo kia dựng cờ ở Tào Khê, lẫn lộn tạp nhạp không bằng tao kia, truyền bảo đều bày chỉ khen nơi đạo, sống tánh thiện ở vật đầy đủ, bốn ba trôi nổi bên kia muôn đường, chẳng suy nghĩ thì rối loạn, chẳng hiểu biết thì lầm lộn. Do thầy soi bên trong đều được trong sạch, không trồng nơi gốc, không làm cỏ nơi mầm mộng. Trong một ngoài dung có lỗ nhỏ soi chiếu, ở trong đế kinh tông lễ sính nói ở triều, thâm giúp vua vụ dân tiêu diêu vượt trăm lễ sáu năm, hiệu thụ không nguyên kỷ, do Phù Phong Công thừa với Thiên Tử, Thiện Thơ đã lại làm văn ban tước ở Nam Độ, pháp kia lại khởi, tín đồ cả muôn ức đồng thương tiếc cùng vui mừng, chỉ có sư giáo hóa giúp đỡ, đến Phù Phong Công chỗ che chở đều mang ơn Thiên Tử, Thiên Tử qua đời, gia công đức tốt, đầy nơi biển di, chùa tháp là thầy, sư dùng như truyền, công dùng làm như làm lý, rồi tâu bốn hàng nổi không thôi.

BIA ĐẠI GIÁM THIÊN SƯ

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 10, chiếu thư đến Năng Công Tổ thứ sáu ở Tào Khê ban hiệu thụ là Đại Giám, là Châu Mã quảng châu gồm dâng số lên vua là có thể đến kia, cn2 đạo dùng tôn danh, đồng quy về thiện hiện không cách ngại khác giáo, bao gồm một chữ Hoa Di Khổng Hoài được lý do kia. Mã Công kính sự kia lại kính cẩn ban đầu đến sau theo học hỏi văn hùng.

Nay thứ sử Châu Liễu là Hà Đông Liễu Quân làm bia trước sau ba năm có vị Tăng tên Đạo lâm dân đô chung đến Tào Khê, lại nói rằng “Xin lập bia thứ hai là chí của học giả”. Sau khi Như Lai nhập diệt khoảng năm trăm năm ma Đăng, Trúc Pháp Lan đem kinh đến Trung Hoa thì người mới được nghe lời Phật dạy, dụ như trong tăm tối thấy được chút ánh sáng. Sau năm trăm năm Đạt-ma đem pháp đến Trung Hoa người mới được truyền Phật tâm, dụ như đang tờ mờ sáng liền thấy mặt trời. Từ Đạt-ma sáu đời truyền đến Đại Giám như xỏ châu như ý, có trước sau mà không đồng khác. Đời đó nói chơn tông chính chỗ gọi là đốn môn. Ban đầu Đạt-ma đem y bát Phật đến, đắc đạo truyền trao dùng làm chơn ấn, đến Đại Giám để lại mà không truyền, há cho đây là nom bầy tà, cho rom tà toan người người chớ thôi, như mà không như

gặp đặt tà đó ta không biết được.

Xét Đại giám sinh ở Tân Châu ba mươi tuổi xuất gia, bốn mươi bảy tuổi nhập diệt, đến trăm lẻ sáu năm mới ban thụ, ban đầu từ cầu núi đồng theo thứ tự năm Sư được thọ ký quy như, quy như trong tông sử lại gan không phụng chiếu, thứ lớp dùng lời cố dưng, kính hạnh để chép rằng:

Bậc chí như sinh không có chủng loại đồng người mà hình vượt ngoài kẻ trí. Giồng thấp kém phương nam giáng sinh người tuần kiệt lạ kỳ, cha mất sớm, mẹ già yếu, một mình tự sống một lời đồn nhộ không bước nơi sơ địa. Thầy truyền nhau dùng bảo khí ngôi yêu nơi Tào Khê đời người là nam tông, người học theo đến như nước về biển đông. Uống dùng thuốc hay trị người đui điếc, triệu gọi không thể đến cho là pháp mạnh, cách Phật ngày càng xa, nhiều lời nhóm ước, đấm không chấp có đều luống cõi kia ta lập phương tiện chơn thật đề khởi ở nước nam, không tu mà tu không chứng mà chứng, có thể khiến người học trở về thiên thức của mình như tối mà mê ngược nhìn mặt trời, được điều tự nhiên rốt cuộc không thể truyền. Miệng truyền tay giữ thì ngại nơi có lưu y nhà trống người được trời trao.

KHẮC CỦA PHẬT

Tôi đã vì Tăng Lâm soạn bia thứ hai ở Tào Khê, lại suy nghĩ lý do làm ý hỉ để y không truyền của Lục Tổ, làm Phật chỉ để y không truyền của Lục Tổ, làm phật y minh rằng:

Lời Phật không thật hành, áo Phật lại đi giành, quên gần quý xa xưa nay chuyện thường tình. Chúng sinh mẹ sinh ra không có một dặm đất, sau khi chết rồi giữ lại cúng ngàn năm. Chỉ như xưa có Lương như voi cuồng Đạt-ma vì cứu đời đến là y vương, dùng lời lạnh bệnh nhân vật bèn đổi đời như chấp ấn tín hành nơi cửa quan, dân không biết quan tâm mà sợ, kẻ tục không biết Phật được y làm quán, y hoại sắc đạo không ở trong y này, do đó lý do tin đạo là báu quý, Lục Tổ chưa bày diễm xuất sắc kia. Đã nói trở về sói hoang sợ, ngộ đời tục ngu đần không lòng tin chúng sinh bao giờ quay về, đây mở môn phương tiện chẳng phải chỉ truyền y, ban đầu quyết có trọn truyền đâu không thôi, vật hủ quy tận áo Hồ lâu nương trước sau biết tội dụng bên kia không cùng, đạo ta không hư áo ở đâu có, dụng kia đã bày ai chẳng phải là chó rơm.

LỜI BẠT

Lục Tổ Đại sư khi xưa thuyết pháp đều là ý chỉ của Đại thừa viên đốn cho nên gọi là kinh kia lời gần ý chỉ xa, lời thẳng thắn nên nghĩa sáng rõ, người tụng đều có chỗ được, ngài Minh Giám tụng thường khen rằng: “người thiên cơ lanh lợi được chỗ sâu xa, người thiên cơ ám độn được chỗ cạn” thành thật hay thay lời nói này!

Tôi ban đầu vào đạo có cảm giác nơi đây liền thấy ba bốn không đồng xen có một được mất, bản kia cũng đã lẫn mất, như lấy bốn kia mà so sánh, người sai lầm được chánh đó, kẻ được rõ đó lại thêm vào đệ tử thăm hỏi cơ duyên ngộ hầu người học được trọn ý chỉ của Tào Khê. Xem xét khiến mây theo rỗng, sâu tạo đạo đây một ngày nọ, qu phòng núi thấy điều tôi biến chép cho là đạt được Đàn Kinh, đại khái đã nghe người thợ khắc bản thận trọng làm lưu thông, khiến một phái Tào Khê không đến nổi đoạn tuyệt.

Kẻ hoặc nói: Đạt-ma không lập văn tự thẳng chỉ tâm người thấy tánh thành Phật Tổ Sư Sơn sáu là chánh truyền bá đâu được dùng là văn tự ư?

Tôi đáp: kinh đây chẳng phải văn tự mà là ý chỉ riêng truyền thẳng chỉ của Đạt-ma. Các đại lão Nam Nhạc, Thnh Nguyên thường như ý chỉ đây để rõ tâm tình mình, lại dùng đó để rõ tâm các đệ tử Mã Cổ, Thạch Đầu. Nay thiên tông rộng truyền khắp thiên hạ đều vốn là ý chỉ đây, ngày nay và ngày sau đâu không do ý chỉ này mà rõ tâm thấy tánh ư?

Người hỏi vâng vâng dạ dạ, lại lạy tạ rằng: “Con ngu muội, xin đều chép kinh để mang tốt đẹp đến”.

Đến đầu hạ năm Tân Mão, Thích Tôn Bảo ở Nam Hải mới làm lời bạt.